

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



THUYẾT MINH

ĐỀ TÀI NCKH CẤP TRƯỜNG

ĐỀ TÀI

HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NHẪM

TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ

TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

Ở HẢI PHÒNG

Chủ nhiệm đề tài: Th.S BÙI THÚY TUYẾT ANH

Thành viên tham gia: ThS. PHAN VĂN CHIÊM

ThS. BÙI QUỐC HÙNG

Hải Phòng, tháng 5/2016

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



THUYẾT MINH

ĐỀ TÀI NCKH CẤP TRƯỜNG

ĐỀ TÀI

HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NHẪM

TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ

TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

Ở HẢI PHÒNG

Chủ nhiệm đề tài: Th.S BÙI THÚY TUYẾT ANH

Thành viên tham gia: ThS. PHAN VĂN CHIÊM

ThS. BÙI QUỐC HÙNG

Hải Phòng, tháng 5/2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	i
CHƯƠNG 1	6
LÝ LUẬN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ	6
TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI	6
1.1 Lý luận về môi trường đầu tư	6
1.1.1 Khái niệm môi trường đầu tư.....	6
1.1.2 Các yếu tố cấu thành của môi trường đầu tư.....	7
1.2 Lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	15
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài.....	15
1.2.1.1 Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài	15
1.2.2 Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài	19
1.3 Mối tương quan giữa môi trường đầu tư với khả năng thu hút FDI	22
1.3.1. Vai trò của môi trường đầu tư với thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.....	22
1.3.2. Ảnh hưởng của môi trường đầu tư tới thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài	23
1.3.3. Bài học kinh nghiệm về cải thiện môi trường đầu tư để tăng cường khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của một số địa phương ở Việt Nam.....	24
CHƯƠNG 2	27
THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH.....	27
THU HÚT FDI Ở HẢI PHÒNG	27
2.1. Những lợi thế của Hải Phòng trong thu hút FDI nhìn dưới góc độ môi trường đầu tư..	27
2.1.1 Thái độ chính trị trong việc tiếp nhận đầu tư và sự ổn định chính trị xã hội	27
2.1.2 Điều kiện tự nhiên.....	28
2.1.3 Nguồn nhân lực.....	30
2.1.4. Kết cấu hạ tầng giao thông, thông tin, hệ thống cung cấp năng lượng.....	34
2.1.5. Cải cách thủ tục hành chính và các chính sách thu hút FDI	36
2.1.6 Công tác vận động, xúc tiến đầu tư.....	41
2.1.7 Xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).....	41
2.1.8. Tình hình phát triển kinh tế xã hội	43
2.2. Đánh giá thu hút FDI ở Hải Phòng dưới tác động của môi trường đầu tư	45
2.2.1 Tốc độ tăng các dự án FDI qua các giai đoạn.....	45
2.2.2 FDI vào Hải Phòng phân theo lĩnh vực, đối tác và hình thức đầu tư.....	48

2.2.3. Những đóng góp của FDI vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hải Phòng và những hạn chế.....	51
2.2.3.1 Những đóng góp của FDI	51
2.2.3.2. Những hạn chế của việc thu hút FDI dưới tác động của môi trường đầu tư.....	56
CHƯƠNG 3	65
PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG.....	65
ĐẦU TƯ NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP.....	65
NƯỚC NGOÀI Ở HẢI PHÒNG	65
3.1. Phương hướng, mục tiêu hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút FDI ở Hải Phòng.....	65
3.1.1 Vài nét về bối cảnh thu hút FDI vào Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng thời gian đến năm 2020	65
3.1.2 Phương hướng hoàn thiện môi trường đầu tư và thu hút FDI vào Hải Phòng..	67
3.1.2.1 Mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng đến năm 2020	67
3.1.2.2 Phương hướng thu hút FDI ở Hải Phòng	68
3.1.2.3 Phương hướng cải thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút FDI.....	69
3.2.1 Thay đổi cách tư duy và tiếp cận FDI.....	69
3.2.2. Hoàn thiện quy hoạch và kế hoạch thu hút FDI, đồng thời rà soát lại các dự án, tình hình hoạt động của các dự án trên địa bàn	70
3.2.3 Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư về thông tin cụ thể của các dự án đầu tư	72
3.2.4 Hoàn thiện chính sách đầu tư, đặc biệt là chính sách ưu đãi đầu tư cho các dự án công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, đóng góp vào bảo vệ môi trường, tạo nhiều việc làm.....	75
3.2.5 Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và nâng cao năng lực, trách nhiệm của cán bộ quản lý trong thu hút FDI	76
3.2.6 Giải quyết một số tồn tại liên quan đến kết cấu hạ tầng, vấn đề chuyển giá và ô nhiễm môi trường.....	78
3.2.7 Nâng cao chỉ số PCI nhằm cải thiện môi trường đầu tư	79
KẾT LUẬN	82
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	85

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Trình độ học vấn của dân số	31
Bảng 2.2: Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động đang làm việc	32
Bảng 2.3: Số lượng lao động theo thành phần kinh tế	33
Bảng 2.4: Vốn thực hiện FDI	48
Bảng 2.5: Giá trị sản xuất công nghiệp ở Hải Phòng từ 2005 - 2015	53
Bảng 3.1: Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội	67
Bảng 3.2: Dự báo nhu cầu vốn của Hải Phòng giai đoạn 2016- 2020	67

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH

Sơ đồ 1.1: Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI	7
Sơ đồ 2.1: Quy trình đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài thuộc diện đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư	37
Hình 2.1 : Bản đồ Hải Phòng	28
Hình 2.2: Tháp dân số năm 2014	30
Hình 2.3: Tổng sản phẩm (GDP) của thành phố phân theo thành phần kinh tế	44
Hình 2.5: Thu hút FDI theo lĩnh vực đầu tư	48
Hình 2.6: Thu hút FDI ở Hải Phòng theo hình thức đầu tư	50
Hình 2.7: So sánh tốc độ tăng trưởng FDI với tốc độ tăng trưởng GDP của thành phố	52
Hình 2.4: Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế của hải phòng năm 2015-2020	67

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Trong quá trình phát triển kinh tế hiện nay, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu nguồn vốn đầu tư của bất kỳ một quốc gia hay một địa phương nào. Đối với nước ta, một nước đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi và hội nhập kinh tế, nhu cầu vốn đầu tư rất lớn, trong đó, vốn FDI có vai trò đặc biệt quan trọng.

Dưới góc độ của quốc gia hay một địa phương tiếp cận vốn, FDI có mục tiêu và tác động đa chiều: phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, tạo cơ hội tiếp nhận kỹ thuật sản xuất, kinh nghiệm kinh doanh, các sáng chế, phát minh, bí quyết công nghệ, năng lực quản lý, điều hành, giúp các chủ thể trong nước và nền kinh tế nói chung đẩy nhanh quá trình phát triển những ngành nghề có kỹ thuật, công nghệ mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng trưởng nhanh. FDI còn góp phần quan trọng vào việc giải quyết việc làm, thúc đẩy xuất khẩu, mở rộng giao thương quốc tế, góp phần vào việc lành mạnh hóa các cân đối vĩ mô. Muốn thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nhiều và có chất lượng thì cần có môi trường đầu tư thuận lợi và ổn định.

Trong những năm qua, môi trường đầu tư ở nước ta nói chung, ở Hải Phòng nói riêng đã và đang từng bước được cải thiện, tạo sức hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Việc nghiên cứu môi trường đầu tư và đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hải Phòng là cần thiết, cấp bách nhằm tìm các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút FDI, thúc đẩy, nâng cao tốc độ phát triển kinh tế, chuyển dịch nhanh và bền vững cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải thiện đời sống nhân dân. Tuy vậy, vốn FDI vào Hải Phòng chưa xứng với tiềm năng, khả năng thu hút FDI của Hải Phòng còn hạn chế, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có nguyên nhân liên quan đến môi trường đầu tư. Vậy những nguyên nhân nào khiến cho môi trường đầu tư của Hải Phòng chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư? Cần phải làm gì để cải thiện môi trường đầu tư ở Hải Phòng trong thời gian tới? Đó là lý do tác giả chọn đề tài: ***“Hoàn thiện môi trường đầu tư***

nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hải Phòng” làm đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài

Do tầm quan trọng của môi trường đầu tư đối với hoạt động đầu tư, nên đã có nhiều tác giả, nhiều đề tài khoa học, nhiều công trình nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau.

2.1. Các công trình nghiên cứu về đầu tư trực tiếp nước ngoài:

1. Trần Xuân Tùng (2005), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam thực trạng và giải pháp*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. PGS.TS.Nguyễn Văn Tuấn (2005), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển kinh tế Việt Nam*”, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

3. Nguyễn Trọng Xuân (2002), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. TS.Lê Xuân Bá (2006) “*Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam*”, Nxb Khoa học - kỹ thuật, Hà Nội.

5. PGS.TS.Nguyễn Bích Đạt (2006), “*Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6. TS.Phan Hữu Thắng : “*Nâng cao chất lượng FDI: Trách nhiệm của Bộ máy quản lý nhà nước*”, Báo Đầu tư, ngày 18-7-2012.

7. Lê Thanh: Chất lượng FDI phải được đặt lên hàng đầu, www.baomoi.com/home/kinhte/www.phapluattp.vn/chat_luong_FDI_phai_duoc_dat_len_hang_dau/4298715.epi

8. Chiến lược FDI sẽ thay đổi cơ bản cách tiếp cận? (VnEconomy.Vn, ngày 11-8-2011)

9. Để môi trường đầu tư hấp dẫn hơn (Báo tin tức, ngày 4-1-2015)

Các công trình nghiên cứu về đầu tư trực tiếp nước ngoài nêu trên đã làm rõ quan điểm, vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài, đánh giá một cách khách quan và tương đối chính xác về thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với nền kinh tế thị trường định hướng

XHCN. Những nghiên cứu trên cũng chỉ ra sự ảnh hưởng, tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với vấn đề tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam nói chung, và đưa ra các giải pháp chiến lược để thu hút và nâng cao chất lượng nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong những năm tiếp theo.

2.2. Các công trình nghiên cứu về môi trường đầu tư:

1. PGS.TS.Nguyễn Khắc Thân, GS.TS.Chu Văn Cấp (1996), “*Những giải pháp chính trị kinh tế nhằm thu hút có hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Trần Thị Thu Hương (2005), “*Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế (10), Tr. 3-12.

3. Trần Tuế (2005) “*Tạo môi trường đầu hấp dẫn một trong những giải pháp không thể thiếu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội*”, Tạp chí Giáo dục lý luận, (10), Tr.56 – 58.

4. GS.TS.Dương Thị Bình Minh, Ths Nguyễn Thanh Thủy (7/2009), “*Cải thiện môi trường đầu tư thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở một số nước châu Á và các bài học kinh nghiệm cho, Thành phố Hồ Chí Minh*”, Tạp chí Phát triển kinh tế (225), Tr.23 - 25.

5. Trần Quang Nam (2006), “*Cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Bắc Ninh: Kết quả mang lại và một số giải pháp*”, Tạp chí Kinh tế và dự báo (3), Tr. 50-52.

6. TS.Chu Tiến Quang (2003), *Môi trường kinh doanh ở nông thôn Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. PGS.TS.Lê Danh Vĩnh (2009), *Hoàn thiện thể chế về môi trường kinh doanh ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8. Bùi Xuân Anh (2011): “*Môi trường đầu tư và tác động của nó đến đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Hải Dương*”, Luận văn thạc sỹ kinh tế.

9. Hải Phòng vượt Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội về thu hút FDI, Thời báo kinh tế Sài Gòn, 2/1/2013.

Nhìn chung, các tác giả đã nghiên cứu môi trường đầu tư ở nhiều góc độ khác nhau, như: khái niệm về môi trường đầu tư, vai trò, tác động của nó đến

đầu tư trực tiếp nước ngoài, nghiên cứu thực trạng môi trường đầu tư ở Việt Nam nói chung và một số địa phương nói riêng. Trên cơ sở những nghiên cứu của mình, các tác giả đã chỉ ra những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân hạn chế, để từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm cải thiện môi trường đầu tư. Tác giả luận văn tiếp thu, kế thừa có chọn lọc các kết quả của các công trình nghiên cứu nêu trên để hoàn thành đề tài: “*Hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hải Phòng*” – đề tài không trùng lặp với các công trình nêu trên.

3. Mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- *Mục tiêu nghiên cứu*

Đánh giá thực trạng môi trường đầu tư với việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hải Phòng. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hải Phòng.

- *Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là môi trường đầu tư trong mối liên hệ với đầu tư trực tiếp nước ngoài dưới góc độ kinh tế chính trị.

- *Phạm vi nghiên cứu*

+ Địa bàn nghiên cứu: Thành phố Hải Phòng, cụ thể là các doanh nghiệp FDI, các nhà đầu tư, các cơ quan, đơn vị có liên quan đến FDI.

+ Thời gian: từ 2009 đến 2015, là thời gian để thu thập số liệu, tài liệu phục vụ việc đánh giá thực trạng môi trường đầu tư và đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hải Phòng.

4. Phương pháp nghiên cứu, kết cấu của công trình nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu: trên cơ sở lý luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lênin, luận văn đã sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, cụ thể:

+ Phương pháp logic - lịch sử: là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng trong hình thức tổng quát, nhằm tìm ra bản chất, khuynh hướng chung của sự vận động của nhân tố khách quan được nhận thức. Phương pháp lịch sử là

phương pháp đi tìm nguồn gốc phát sinh, quá trình phát triển và biến hóa của đối tượng để phát hiện bản chất và quy luật của đối tượng.

+ Phương pháp phân tích, tổng hợp: phân tích là phân chia cái toàn thể của đối tượng nghiên cứu thành những bộ phận, những mặt, những yếu tố cấu thành giản đơn để nghiên cứu, phát hiện ra từng thuộc tính và bản chất của từng yếu tố, từ đó hiểu được đối tượng nghiên cứu một cách đầy đủ hơn. Tổng hợp: là quá trình ngược với phân tích, nhưng lại hỗ trợ cho phân tích để tìm ra được cái chung khái quát. Phân tích và tổng hợp là hai phương pháp gắn bó chặt chẽ, quy định và bổ sung cho nhau.

Ngoài ra, đề tài còn sử dụng phương pháp thống kê, so sánh, thu thập thông tin, tổng kết thực tiễn địa phương.

- Kết cấu đề tài khoa học

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung đề tài gồm:

Chương 1: Lý luận về môi trường đầu tư và đầu tư trực tiếp nước ngoài

Chương 2: Thực trạng môi trường đầu tư và tình hình thu hút FDI ở Hải Phòng

Chương 3: Phương hướng, giải pháp hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hải Phòng

5. Kết quả đạt được của đề tài

- Đề tài nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng môi trường nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng nâng cao chất lượng trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Khuyến nghị hệ thống các giải pháp có tính khả thi về cải thiện môi trường đầu tư, để nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hải Phòng thời gian đến năm 2020.

- Đề tài có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập các chuyên đề kinh tế liên quan, và có thể làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan nghiên cứu, hoạch định chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài tại địa phương

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

1.1 Lý luận về môi trường đầu tư

1.1.1 Khái niệm môi trường đầu tư

* Môi trường đầu tư là một thuật ngữ đã được nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh ở nhiều nước trên thế giới. Thuật ngữ môi trường đầu tư không phải mới mẻ, nhưng đến nay vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm này. Môi trường đầu tư được xem xét theo nhiều khía cạnh khác nhau tùy theo mục đích, phạm vi, đối tượng nghiên cứu.

- Theo WB “Vietnam Development Report 2006”:

“Môi trường đầu tư là tập hợp các yếu tố đặc thù địa phương đang định hình cho các cơ hội và động lực để doanh nghiệp đầu tư có hiệu quả, tạo việc làm và mở rộng sản xuất”. [8;23]

- Theo Vũ Chí Lộc:

“Môi trường đầu tư nước ngoài là tổng hòa các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội có liên quan tác động đến hoạt động đầu tư và bảo đảm khả năng sinh lợi của vốn đầu tư nước ngoài.” [6]

- Theo GS. TS Tô Xuân Dân:

“Môi trường đầu tư là một tập hợp các yếu tố tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật, tâm lý của nước tiếp nhận đầu tư nhằm bảo vệ sự an toàn và khả năng sinh lợi tối đa của nguồn vốn đầu tư bên ngoài.” [1]

Như vậy, từ những khái niệm trên có thể hiểu môi trường đầu tư theo nghĩa chung nhất là: tổng hòa các yếu tố bên ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư.

* Môi trường đầu tư có thể chia thành 2 loại:

- **Môi trường cứng:** liên quan đến các yếu tố thuộc kết cấu hạ tầng giao thông (đường xá, cầu cảng...), hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cung cấp năng lượng, hệ thống khu, cụm công nghiệp...

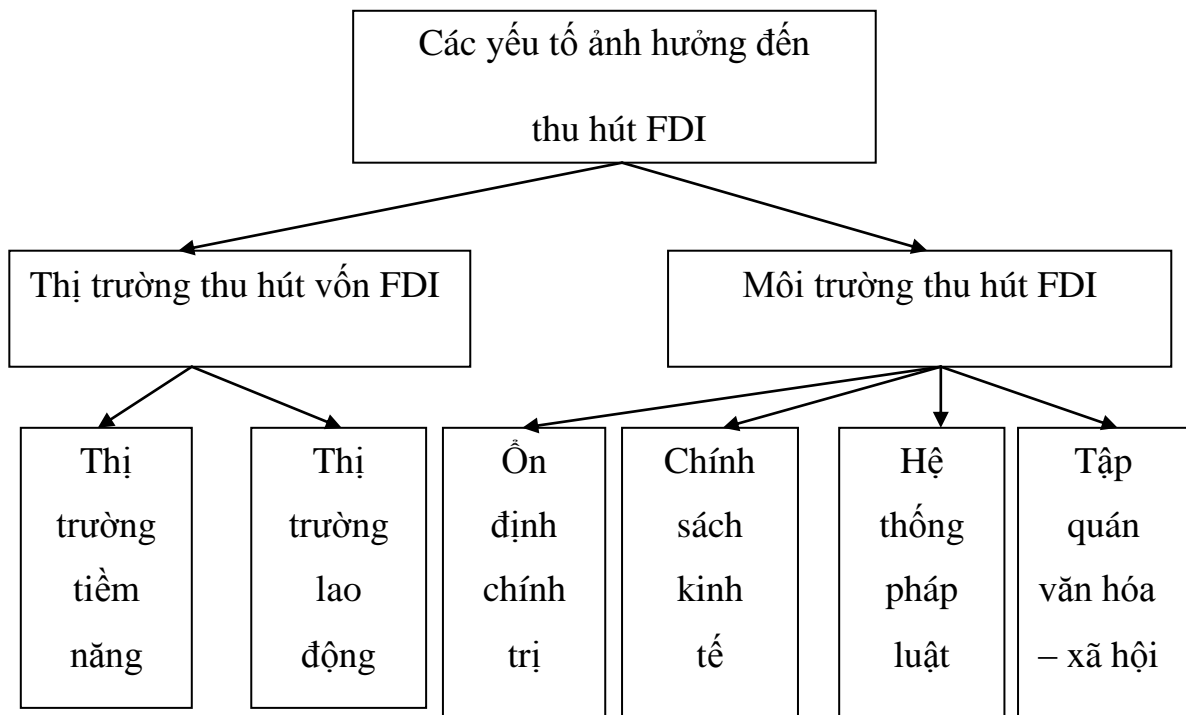
- **Môi trường mềm:** hệ thống dịch vụ hành chính, dịch vụ pháp lý liên quan đến hoạt động đầu tư (nhất là các vấn đề liên quan đến chế độ đối xử và giải quyết các tranh chấp, khiếu nại), hệ thống các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kế toán, bảo hiểm... Môi trường mềm còn bao gồm các yếu tố về ổn định chính trị, xã hội, phát triển kinh tế...

Ngoài ra, có thể phân chia môi trường đầu tư theo:

- **Các yếu tố môi trường bên ngoài:** toàn cầu hóa, liên kết kinh tế khu vực, sự phát triển của các công ty xuyên quốc gia, bầu không khí chính trị thế giới, khu vực và môi trường của nước đầu tư.

- **Các yếu tố môi trường bên trong:** vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, chính trị, pháp lý, cơ chế chính sách, trình độ phát triển kinh tế, môi trường cạnh tranh, độ mở của nền kinh tế...

Sơ đồ 1.1: Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI



1.1.2 Các yếu tố cấu thành của môi trường đầu tư

Mục đích cuối cùng của mọi hoạt động đầu tư là hướng tới lợi nhuận. Vì vậy, môi trường đầu tư hấp dẫn là môi trường có hiệu quả đầu tư cao và mức độ rủi ro thấp. Môi trường đầu tư cấu thành bởi các yếu tố như:

- Môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư và thủ tục hành chính.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội.
- Môi trường chính trị xã hội và sự ổn định kinh tế vĩ mô.
- Các nguồn lực cho sự phát triển và thu hút FDI
- Quy mô và tốc độ phát triển của thị trường
- Công tác vận động, xúc tiến đầu tư
- Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Dưới đây là sự phân tích một số yếu tố cấu thành môi trường bên trong:

**Một là: môi trường pháp lý, các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư và thủ tục hành chính*

- Môi trường pháp lý

Một trong những nhân tố quan trọng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, đó là hệ thống luật pháp phải thực sự rõ ràng, nhất quán, minh bạch và ổn định. Pháp luật phải tạo ra một mặt bằng chung về pháp lý cho mọi nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế, xóa bỏ sự khác biệt giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, phù hợp với luật pháp quốc tế.

Việc xây dựng Luật đầu tư phải gắn liền với các luật liên quan khác như: Luật doanh nghiệp, Luật thương mại, luật thuế...và ban hành các văn bản dưới luật đảm bảo kịp thời, nhất quán, mang tính khả thi cao. Đồng thời, phải hoàn chỉnh hệ thống pháp luật có liên quan đến chính sách đầu tư để tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

- Cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư nước ngoài

Cơ chế, chính sách đầu tư nước ngoài có ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng thu hút FDI của một quốc gia. Bởi cơ chế, chính sách phản ánh khả năng sinh lợi của vốn đầu tư, cũng như đảm bảo an toàn cho sự sinh lợi của đồng vốn. Nó thể hiện sự ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài. Chính sách ưu đãi đầu tư là công cụ nhằm thu hút đầu tư theo những mục tiêu phát triển nhất định, nó ảnh hưởng trực tiếp đến việc khai thác, phát huy các nguồn lực bên trong và thu hút các nguồn lực bên ngoài. Mặt khác, chính sách đầu tư còn tác động đến sự phân bổ các nguồn lực một cách đúng hướng và đạt

hiệu quả cao. Điều này đồng nghĩa với việc thu hút, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nói chung, vốn FDI nói riêng. Nếu chính sách đầu tư không phù hợp, thiếu tính đồng bộ và nhất quán thì việc thu hút FDI sẽ gặp nhiều trở ngại. Thực tế cho thấy, các nước NICs ở Đông Nam Á và một số nước khác như: Trung Quốc, Thái Lan... là những nước tiêu biểu cho việc xác định chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp, nên đã thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn FDI, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính bao gồm tất cả những thủ tục cơ bản để một nhà đầu tư được phép đầu tư ở một quốc gia. Cùng với cơ chế chính sách ưu đãi, thông thoáng cần phải có thủ tục hành chính đơn giản, ít khâu trung gian và thời gian thực hiện ngắn. Để có được một thủ tục như vậy, ngoài việc có một hệ thống văn bản pháp luật quy định rõ ràng trách nhiệm của các chủ thể, cần xây dựng một quy trình làm việc khoa học với một đội ngũ cán bộ công chức có trình độ chuyên môn cao, tinh thần trách nhiệm tận tụy, và có chế độ khen thưởng và kỷ luật nghiêm minh. Thủ tục hành chính gọn nhẹ cho phép giải quyết công việc nhanh chóng, vừa tiết kiệm thời gian, vừa tránh lãng phí, tạo được niềm tin cho nhà đầu tư. Ngược lại, thủ tục hành chính rườm rà sẽ làm hạn chế mọi ưu thế về môi trường đầu tư của nước đó, ảnh hưởng đến thời gian, chi phí và cơ hội của nhà đầu tư, khiến họ nản lòng.

Vì vậy, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện mô hình “một cửa liên thông” nhằm rút ngắn thời gian giải quyết công việc, là một trong những tiêu chí đánh giá môi trường đầu tư của các quốc gia và từng địa phương. Do đó, vấn đề cải các thủ tục hành chính cần được điều chỉnh cho phù hợp trong tình hình mới nhằm tăng cường thu hút FDI.

* *Hai là, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội*

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống kết cấu hạ tầng vừa có vai trò quyết định đến hiệu quả đầu tư, vừa có ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của các nhà đầu tư. Trình độ phát triển của cơ sở hạ tầng thể hiện thông qua sự phát triển của

hệ thống giao thông vận tải, thông tin liên lạc, các dịch vụ cung cấp điện, nước và một số dịch vụ hỗ trợ khác.

Xây dựng kết cấu hạ tầng là điều kiện tiên quyết và lâu dài cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Hệ thống giao thông vận tải an toàn, tiện lợi sẽ góp phần giảm chi phí lưu thông cho doanh nghiệp. Một hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh (bao gồm hệ thống đường bộ, đường sắt, đường hàng không, mạng lưới cung cấp điện, nước, bưu chính viễn thông và các dịch vụ tiện ích khác) là điều mong muốn của mọi nhà đầu tư nước ngoài. Ngược lại, một kết cấu hạ tầng yếu kém với mạng lưới giao thông chưa hoàn chỉnh, hệ thống thông tin liên lạc lạc hậu, hệ thống cung cấp năng lượng thiếu thốn... sẽ gây ra những thiệt hại và lãng phí lớn cho nhà đầu tư, cản trở hoạt động thu hút FDI.

Do vậy, địa phương nào có kết cấu hạ tầng tốt thì sẽ có lợi thế lớn trong việc thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Kết cấu hạ tầng xã hội

Bên cạnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các nhà đầu tư cũng rất quan tâm đến kết cấu hạ tầng xã hội. Kết cấu hạ tầng xã hội bao gồm hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cho người dân, hệ thống giáo dục và đào tạo, hoạt động thương mại, khu vui chơi giải trí, các dịch vụ hỗ trợ, nhà ở cho người lao động... càng hoàn thiện thì càng tăng sức thu hút đối với nhà đầu tư.

* *Ba là, môi trường chính trị xã hội và sự ổn định kinh tế vĩ mô*

Việc giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội có ý nghĩa rất quan trọng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài. Ổn định chính trị luôn là yếu tố hấp dẫn hàng đầu đối với các nhà đầu tư nước ngoài, vì có ổn định chính trị thì các cam kết của Chính phủ nước chủ nhà với các nhà đầu tư về sở hữu vốn, các chính sách ưu tiên định hướng phát triển mới được thực hiện. Đây là những vấn đề được nhà đầu tư quan tâm nhất vì nó tác động mạnh đến các yếu tố rủi ro trong hoạt động đầu tư. Nếu không có môi trường chính trị - xã hội ổn định, thì các điều kiện khác dù có thuận lợi cũng không thể hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài.

Ở các nước có nền chính trị ổn định đã thu hút lượng vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng như: dòng vốn FDI đổ vào các nước Singapore, Malaysia, trong hai thập niên cuối thế kỷ 20 nhiều hơn hẳn so với Thái Lan và Philipin, tình hình đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc, Việt Nam trong những năm gần đây cũng ngày càng tăng lên với tốc độ cao. Điều đó khẳng định việc giữ vững ổn định ngày càng trở nên quan trọng hàng đầu trong thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài. Khi đầu tư vào một nước nào đó mà có tình hình chính trị bất ổn (đi liền với nó là luật pháp, chính sách thay đổi...) sẽ gây ra những hậu quả nặng nề về kinh tế - xã hội mà nhà đầu tư nước ngoài cũng phải gánh chịu một phần. Kinh nghiệm cho thấy, nhiều quốc gia có lợi thế lớn về tài nguyên thiên nhiên, có thị trường rộng lớn, nhưng lại gặp khó khăn về thu hút đầu tư, do có xung đột về chính trị. Vì vậy, sự ổn định về chính trị là yếu tố đầu tiên để nhà đầu tư xem xét quyết định có đầu tư hay không. Tiêu chí đánh giá sự ổn định chính trị là sự bền vững của Chính phủ, mức độ tranh giành quyền lực giữa các phe phái chính trị, sự hoạt động của các đảng phái và tôn giáo, sắc tộc. Nếu các điều kiện khác của môi trường đầu tư không đổi, thì chính trị càng ổn định và độ tin cậy càng cao thì càng hấp dẫn các nhà đầu tư.

Khi xem xét môi trường chính trị xã hội, bên cạnh sự ổn định chính trị xã hội các nhà đầu tư nước ngoài còn quan tâm đến thái độ chính trị của địa phương đối với việc thu hút đầu tư nước ngoài. Thái độ chính trị của địa phương thể hiện ở các chủ trương, quan điểm, chính sách về thu hút đầu tư. Vai trò của chính quyền địa phương trước hết thể hiện trong việc hướng dẫn thực hiện luật pháp, các quy định của chính quyền Trung ương trong phạm vi địa phương, đảm bảo sự ổn định về hệ thống chính trị và pháp lý trong nội bộ các cơ quan chính quyền địa phương, đồng thời có giải pháp ổn định kinh tế xã hội địa phương để tạo sự tin cậy cho các nhà đầu tư. Ngoài ra, chính quyền địa phương có thể giới thiệu những lợi thế, tiềm năng của địa phương đối với nhà đầu tư, đề kêu gọi các dự án đầu tư và thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư của địa phương, cũng như phối hợp các cơ quan xúc tiến đầu tư quốc gia để thực hiện tiếp thị hình ảnh địa phương.

- Ổn định kinh tế vĩ mô: là yếu tố quan trọng trong việc thu hút FDI và là yếu tố đầu tiên đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia. Một đất nước có nền kinh tế vĩ mô không ổn định thì cũng không thể phát triển được.

**Bốn là, các nguồn lực cho sự phát triển và thu hút FDI*

- Nguồn lực tự nhiên: bao gồm vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên

+ Vị trí địa lý: hầu hết các nhà đầu tư đều quan tâm đến vị trí địa lý nơi mình định đầu tư. Vì địa phương nào có vị trí địa lý thuận lợi, như: gần đường giao thông, hay các thị trường nguyên liệu hoặc ở gần các thị trường tiêu thụ, các trung tâm đô thị phát triển hoặc các đầu mối thương mại...thì sẽ có ưu thế lớn trong việc thu hút đầu tư. Bởi nó tạo điều kiện cho nhà đầu tư giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm đáng kể chi phí vận chuyển, dễ dàng mở rộng ra các thị trường xung quanh, khai thác có hiệu quả nguồn nhân lực và thúc đẩy các doanh nghiệp tập trung hóa, từ đó tăng lợi nhuận.

+ Tài nguyên thiên nhiên: đặc biệt là khoáng sản cũng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Nguồn nguyên, vật liệu phong phú, dồi dào, giá rẻ sẽ là nhân tố tích cực thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Dân số và nguồn lao động: là nhân tố quan trọng hàng đầu cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động thu hút FDI nói riêng. Trong dân số vừa có nguồn nhân lực cần thiết cho hoạt động sản xuất vật chất, vừa là thị trường tiêu thụ các sản phẩm dịch vụ và xã hội. Quy mô dân số càng đông, thu nhập cao sẽ góp phần tạo ra thị trường tiêu thụ càng lớn.

Chính vì vậy, khi xem xét môi trường đầu tư, nhà đầu tư đặc biệt quan tâm đến nguồn lao động ở quốc gia và địa phương đó cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, đối với các nhà đầu tư, nhất là những nhà đầu tư trong các lĩnh vực mũi nhọn, lao động rẻ không còn là sự hấp dẫn hàng đầu với họ. Vì cùng với sự phát triển của trình độ khoa học kỹ thuật, bộ phận lao động phổ thông, trình độ thấp ngày càng trở nên thừa một cách tương đối. Một đội ngũ lao động có tay nghề cao, cần cù, chịu khó, có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực...mới là yếu tố hấp dẫn với nhiều nhà đầu tư.

**Năm là, quy mô và tốc độ phát triển của thị trường*

Quy mô của thị trường được thể hiện thông qua sức mua của người dân. Sức mua của người dân càng lớn càng thu hút các nhà đầu tư. Tốc độ và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế liên quan trực tiếp đến nhu cầu, khả năng hấp thụ vốn đầu tư, cũng như sự phát triển của thị trường trong nước. Một nền kinh tế năng động, tốc độ tăng trưởng cao và ổn định sẽ có nhu cầu và khả năng hấp thụ một lượng vốn đầu tư lớn và ngược lại.

Bên cạnh đó, tăng trưởng cao sẽ tạo được nguồn tích lũy cho chi tiêu của Chính phủ, doanh nghiệp vào hoàn thiện và phát triển kết cấu hạ tầng, mở rộng được thị trường trong nước, từ đó thu hút đầu tư sẽ mạnh mẽ hơn, tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp phụ trợ, các ngành dịch vụ hỗ trợ phát triển. Nhiều nhà đầu tư với chiến lược “đi tắt, đón đầu” cũng sẽ mạnh dạn đầu tư vào những nơi có nhiều kỳ vọng tăng trưởng nhanh trong tương lai và có các cơ hội mở rộng ra các thị trường lân cận.

** Sáu là, công tác vận động, xúc tiến đầu tư*

Xúc tiến đầu tư là hoạt động quảng bá hình ảnh một quốc gia, một địa phương hay một khu kinh tế, để mọi đối tác quan tâm đến vấn đề đầu tư có điều kiện tìm hiểu kỹ về cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, về nhu cầu đầu tư, về điều kiện kết cấu hạ tầng, về nguồn nhân lực, thị trường tiêu thụ và các vấn đề khác có liên quan. Đó là các nội dung mà các nhà đầu tư nghiên cứu làm cơ sở cho việc quyết định đầu tư.

Có thể nói công tác xúc tiến đầu tư là hoạt động đối ngoại trong đầu tư, tức là hoạt động đưa thông tin ra bên ngoài và đến với các đối tượng có nhu cầu đầu tư. Công tác xúc tiến đầu tư có vai trò quan trọng trong việc phát huy nội lực để thu hút được một giá trị và cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp tối ưu. Không phải ngẫu nhiên mà trong những năm gần đây, các cuộc viếng thăm nước ngoài của các nguyên thủ quốc gia bao giờ cũng có các doanh nghiệp đi cùng. Hoạt động chính trị của các chính khách không thể thoát ly hoạt động kinh tế của đất nước mà họ đại diện, trong đó vận động xúc tiến thương mại và đầu tư là nội dung hết sức quan trọng.

Vì vậy, xúc tiến đầu tư là một trong những chiến lược quan trọng của mọi quốc gia trong quá trình phát triển. Đặc biệt trong điều kiện toàn cầu hóa ngày càng diễn ra sâu sắc, đầu tư nước ngoài đang trở thành xu hướng tất yếu, là một trong những biện pháp quan trọng để các nước đang phát triển thay đổi cơ cấu đầu tư và tăng trưởng kinh tế.

**Bây là, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh*

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI là chỉ số đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành của Việt Nam về chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp dân doanh. Có thể hiểu năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là khả năng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đó so với tỉnh khác dựa trên lợi thế so sánh và nguồn lực con người.

+ Phương pháp đánh giá

PCI đánh giá các lĩnh vực điều hành kinh tế thuộc thẩm quyền của chính quyền tỉnh, thành phố, dựa trên 10 chỉ số thành phần (với thang điểm 100) nhằm đánh giá và xếp hạng các tỉnh về chất lượng điều hành cấp tỉnh tại Việt Nam. Những chỉ số đó là :

- Gia nhập thị trường
- Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất
- Tính minh bạch
- Chi phí thời gian
- Chi phí không chính thức
- Tính năng động của lãnh đạo tỉnh
- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp
- Đào tạo lao động
- Thiết chế pháp lý
- Cải cách hành chính

- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Chỉ số PCI cung cấp thông tin về chất lượng lao động, cơ sở hạ tầng, tính minh bạch, tham nhũng và các yếu tố khác. PCI là kênh thông tin tham khảo tin cậy về địa điểm đầu tư, là động lực cải cách

quan trọng đối với môi trường đầu tư, kinh doanh cấp tỉnh của Việt Nam. Ngoài ra, PCI còn phản ánh mong muốn của doanh nghiệp, là kênh đối thoại giúp doanh nghiệp bày tỏ quan điểm về các vấn đề trần trở trong hoạt động kinh doanh.

- Đối với Chính quyền địa phương: việc nhận thức đầy đủ thông tin do chỉ số PCI cung cấp sẽ giúp chính quyền địa phương điều chỉnh công tác quản lý và các hệ thống pháp lý liên quan. Quan trọng hơn, qua chỉ số này, cơ quan lãnh đạo tỉnh, thành xác định lĩnh vực cần ưu tiên để cải thiện môi trường đầu tư, nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, giải quyết việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Từ đó, nâng cao khả năng cạnh tranh của địa phương, đem lại lợi ích cho doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư của địa phương. Theo thống kê, đã có hơn 40 tỉnh, thành phố sử dụng kết quả PCI để ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chương trình hành động (của Tỉnh ủy, UBND) nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, chất lượng điều hành kinh tế.

1.2 Lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.2.1.1 Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài

**** Một số khái niệm***

- Khái niệm đầu tư

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về đầu tư:

+ Đầu tư là việc sử dụng vốn vào quá trình tái sản xuất xã hội nhằm tạo ra năng lực vốn lớn hơn. Vốn đầu tư là phần tích lũy xã hội của các ngành, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, là tiền tiết kiệm của nhân dân và huy động từ các nguồn khác được đưa vào tái sản xuất xã hội. Trên bình diện doanh nghiệp, đầu tư là việc di chuyển vốn vào hoạt động nào đó nhằm mục đích thu lại một khoản tiền lớn hơn.

+ Theo Luật Đầu tư năm 2005: “Đầu tư là việc nhà đầu tư bỏ vốn bằng các loại tài sản hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản tiến hành các hoạt động đầu tư ”

Trong đề tài này, tác giả cho rằng: “Đầu tư là quá trình bỏ vốn (tiền, nguyên

liệu, nhân lực, công nghệ, giá trị thương hiệu, bí quyết kinh doanh...) vào các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ nhằm mục đích thu lợi nhuận”

- *Khái niệm đầu tư nước ngoài:*

Theo Luật Đầu tư năm 2005 : “Đầu tư nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư”

Căn cứ theo chức năng quản lý và tính chất sử dụng nguồn vốn thì đầu tư nước ngoài thường được chia làm hai hình thức chủ yếu đó là đầu tư gián tiếp và đầu tư trực tiếp.

- *Đầu tư gián tiếp:* là hình thức đầu tư dưới dạng cho vay thu lãi. Thông qua các ngân hàng tư nhân hoặc các trung tâm tín dụng quốc gia và quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài cho các nước khác vay vốn theo nhiều hạn định khác nhau để đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế.

Các hình thức chủ yếu của đầu tư gián tiếp là: viện trợ không hoàn lại và cho vay dài hạn với lãi suất ưu đãi từ các tổ chức quốc tế hoặc từ Chính phủ các nước phát triển (ODA); vay thương mại của quốc gia này cho quốc gia khác; và đầu tư cổ phiếu hoặc trái phiếu.

- *Đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment - FDI) là một hình thức của đầu tư nước ngoài. Sự ra đời và phát triển của FDI là kết quả tất yếu của quá trình toàn cầu hóa và phân công lao động quốc tế. Có nhiều cách nhìn nhận khác nhau về đầu tư trực tiếp nước ngoài, nên cũng có nhiều khái niệm khác nhau:

- Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF):

“ Đầu tư trực tiếp nước ngoài là một khoản đầu tư với những quan hệ lâu dài, theo đó, một tổ chức trong một nền kinh tế (nhà đầu tư trực tiếp) thu được lợi ích lâu dài từ một doanh nghiệp đặt tại một nền kinh tế khác. Mục đích của nhà đầu tư trực tiếp là muốn có nhiều ảnh hưởng trong việc quản lý doanh nghiệp đặt tại nền kinh tế khác đó ” [21;31]

- Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cũng đưa ra khái niệm:

“Một doanh nghiệp đầu tư trực tiếp là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, trong đó nhà đầu tư trực tiếp sở hữu ít nhất 10% cổ phiếu thường hoặc có quyền biểu quyết. Điểm mấu chốt của đầu tư trực tiếp là chủ định thực hiện quyền kiểm soát công ty” [21;31]

- Theo Luật đầu tư nước ngoài ở Việt Nam: *“Đầu tư trực tiếp nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào để tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam” [11;8]*

Như vậy, từ những định nghĩa trên, có thể hiểu một cách khái quát về FDI như sau: *“Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại một quốc gia là việc nhà đầu tư ở nước khác đưa vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào vào quốc gia đó để có được quyền sở hữu và quản lý hoặc quyền kiểm soát một thực thể kinh tế tại quốc gia đó, với mục tiêu tối đa hóa lợi ích của mình.”*

1.2.1.2. Đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Thứ nhất, FDI được thực hiện thông qua việc thành lập các doanh nghiệp mới, mua lại từng phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp đang hoạt động hoặc tiến hành các hoạt động hợp nhất và chuyển nhượng doanh nghiệp.

- Thứ hai, FDI chủ yếu là hoạt động đầu tư của tư nhân với mục tiêu chính là lợi nhuận. Hoạt động FDI diễn ra khi thị trường đầu tư có khả năng tạo ra lợi nhuận cao, nghĩa là phải có chênh lệch về tỷ suất lợi nhuận và chi phí giữa nước đầu tư với nước tiếp nhận đầu tư. Đây là điểm khác biệt cơ bản để phân biệt hai hình thức FDI và ODA. Nguồn vốn ODA chịu sự chi phối chủ yếu bởi quan hệ chính trị giữa hai quốc gia. Phần lớn ODA là nguồn vốn vay ưu đãi, do đó nếu không sử dụng hiệu quả sẽ khiến cho nước tiếp nhận trở thành con nợ quốc tế.

- Thứ ba, FDI gắn liền với việc di chuyển tiền và tài sản giữa các quốc gia trên thế giới, có thể là tài sản hữu hình hoặc vô hình. Hoạt động FDI không chỉ gắn liền với di chuyển vốn mà còn gắn với các hoạt động chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý, cơ chế bảo hộ quyền sở hữu của nhà đầu tư, và tạo ra thị trường mới cho cả phía đầu tư và phía nhận đầu tư.

- *Thứ tư*, quyền quản lý doanh nghiệp phụ thuộc vào mức độ góp vốn của chủ đầu tư. Doanh nghiệp FDI sẽ là chủ sở hữu hoàn toàn hoặc đồng chủ sở hữu với một tỷ lệ góp vốn nhất định, đủ mức khống chế và trực tiếp tham gia quản lý hoạt động của doanh nghiệp. Tỷ lệ sở hữu vốn khống chế này do pháp luật của từng nước quy định. Đối với doanh nghiệp liên doanh và hợp đồng hợp tác kinh doanh thì quyền quản lý doanh nghiệp và quản lý đối tượng hợp tác tùy thuộc vào mức góp vốn của các bên khi tham gia.

- *Thứ năm*, FDI gắn liền với hoạt động kinh doanh của các công ty xuyên quốc gia (TNCs), chịu sự chi phối của nhiều hệ thống luật pháp (bao gồm luật pháp của các nước đầu tư, nước tiếp nhận đầu tư và luật pháp quốc tế). TNCs là những tập đoàn có hệ thống các chi nhánh sản xuất ở nước ngoài, có tiềm lực lớn về vốn, công nghệ, sản phẩm có uy tín và thương hiệu đã được khẳng định trên toàn cầu. Hiện nay, các công ty xuyên quốc gia nắm giữ khoảng 90% lượng vốn FDI trên thế giới. Do đó, FDI có mục tiêu, nhiệm vụ rõ ràng nhằm mở rộng, chiếm lĩnh thị trường của các công ty xuyên quốc gia và thu về lợi nhuận tối đa cho nhà đầu tư.

- *Thứ sáu*, hoạt động FDI bao gồm hoạt động đầu tư nước ngoài vào trong nước và đầu tư từ trong nước ra nước ngoài, do vậy bao gồm cả vốn di chuyển vào một nước và dòng vốn di chuyển ra khỏi nền kinh tế nước đó. Hoạt động FDI gắn liền với sự phát triển của thị trường tài chính quốc tế và thương mại quốc tế. Do vậy, FDI có quan hệ mật thiết với dòng lưu chuyển vốn quốc tế, trong đó có một công ty ở một nước tạo ra hoặc mở rộng chi nhánh ở nước khác. FDI có mối quan hệ chặt chẽ với các hoạt động dịch vụ về tài chính, ngân hàng, vận tải, bảo hiểm, viễn thông, cung ứng lao động... Nhờ có các hoạt động này mà quá trình đầu tư trực tiếp được thông suốt. Ngược lại, FDI luôn tạo nhu cầu cho sự ra đời và phát triển các dịch vụ này.

Tóm lại, FDI có mối quan hệ rất chặt chẽ với các hình thức kinh tế quốc tế khác và mối quan hệ giữa chúng có tính bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau.

1.2.2 Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Phân loại FDI theo mục đích đầu tư có: đầu tư trực tiếp nước ngoài theo chiều ngang, và theo chiều dọc.

+ Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo chiều ngang: là việc 1 công ty tiến hành đầu tư trực tiếp nước ngoài vào chính ngành sản xuất mà họ đang có lợi thế cạnh tranh. Với lợi thế này họ muốn tìm kiếm lợi nhuận cao hơn ở nước ngoài.

+ Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo chiều dọc: mục đích của hình thức này là khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên và các yếu tố đầu vào rẻ như lao động, đất đai của nước nhận đầu tư. Đây là hình thức khá phổ biến của hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các nước đang phát triển.

- Phân loại FDI theo chiến lược đầu tư: có đầu tư mới, mua lại và sáp nhập (M&A)

+ Đầu tư mới (Greenfield investment): là một dạng của đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm mua trang thiết bị mới hoặc nhằm mở rộng những trang thiết bị hiện có. Đầu tư mới là mục tiêu chính của các quốc gia nhận đầu tư bởi vì đầu tư theo hình thức này tạo ra nhà máy sản xuất mới, tạo thêm việc làm, chuyển giao công nghệ và bí quyết, và tạo ảnh hưởng đến thương mại trên thị trường thế giới.

+ Mua lại và sáp nhập (M&A): Khi thị trường chứng khoán phát triển, các kênh đầu tư gián tiếp được khai thông, nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần, mua lại các doanh nghiệp ở nước sở tại. Hình thức mua cổ phần hoặc mua lại toàn bộ doanh nghiệp có ưu điểm là có thể thu hút vốn nhanh, giúp phục hồi hoạt động của các doanh nghiệp có nguy cơ phá sản, nhưng cũng có nhược điểm là dễ gây tác động đến sự ổn định của thị trường tài chính của nước sở tại.

- Phân loại FDI theo sở hữu có các hình thức sau:

+ Hình thức doanh nghiệp liên doanh: là hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài, có đặc trưng là mỗi bên tham gia vào doanh nghiệp liên doanh là 1 pháp nhân riêng, nhưng doanh nghiệp liên doanh là một pháp nhân độc lập. Khi các bên đã đóng góp đủ số vốn quy định vào liên doanh thì dù 1 bên có phá sản, doanh nghiệp liên doanh vẫn tồn tại.

+ Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài: là doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu của tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài, được hình thành bằng toàn bộ vốn nước ngoài và do tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài thành lập, tự quản lý, điều hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Doanh nghiệp này được thành lập dưới hình thức là các công ty trách nhiệm hữu hạn. Vốn pháp định cũng như vốn đầu tư do nhà đầu tư nước ngoài đóng góp, vốn pháp định ít nhất bằng 30% vốn đầu tư của doanh nghiệp.

+ Hình thức hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh: là hình thức đầu tư trực tiếp, trong đó hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký kết giữa hai hay nhiều bên (gọi là các bên hợp tác kinh doanh) để tiến hành các hoạt động kinh doanh ở nước nhận đầu tư, trong đó quy định trách nhiệm và phân chia kết quả kinh doanh cho mỗi bên tham gia mà không cần thành lập xí nghiệp liên doanh hoặc pháp nhân mới.

- Ngoài ba hình thức cơ bản trên, theo nhu cầu đầu tư về hạ tầng, các công trình xây dựng còn có hình thức:

+ Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) là một phương thức đầu tư trực tiếp được thực hiện trên cơ sở văn bản được ký kết giữa nhà đầu tư nước ngoài (có thể là tổ chức, cá nhân nước ngoài) với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xây dựng kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng trong một thời gian nhất định, hết thời hạn nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao cho nước chủ nhà.

+ Hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO) là phương thức đầu tư dựa trên văn bản ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước chủ nhà và nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng. Khi xây dựng xong, nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công trình cho nước chủ nhà. Nước chủ nhà có thể dành cho nhà đầu tư quyền kinh doanh công trình đó trong một thời hạn nhất định để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận hợp lý.

+ Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) là một phương thức đầu tư nước ngoài trên cơ sở văn bản ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước chủ nhà và nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng. Sau

khi xây dựng xong, nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công trình đó cho nước chủ nhà. Chính phủ nước chủ nhà tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài thực hiện dự án khác để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận hợp lý.

Ngoài ra còn có một số phương thức đầu tư thâm nhập thị trường không nắm vốn chủ sở hữu như: nhượng quyền thương mại, cấp phép, thuê ngoài.

Nhượng quyền thương mại (Franchising) là quan hệ hợp đồng, trong đó một công ty quốc tế (bên nhượng quyền) cho phép một công ty nước chủ nhà (bên nhận quyền) vận hành một doanh nghiệp theo hệ thống mô hình được phát triển bởi bên nhượng quyền bằng cách trả một khoản phí hoặc đánh dấu lên các hàng hóa, dịch vụ, được cung cấp bởi bên nhượng quyền. Nói cách khác, bên nhượng quyền (Franchisor) sẽ chuyển mô hình kinh doanh, nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ, bí quyết kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, quảng cáo cho bên nhận quyền (Franchisee). Bên nhận quyền sau khi ký hợp đồng nhượng quyền được phép khai thác kinh doanh trên một không gian địa lý nhất định và phải trên một khoản phí nhượng quyền và tỷ lệ phần trăm doanh thu định kỳ cho bên nhượng quyền. [10;58]

- Cấp phép (Licensing) là hợp đồng chuyển giao một số quyền tài sản nào đó giữa hai bên hoặc nhiều bên theo những điều kiện nhất định về việc phân chia về quyền lợi và nghĩa vụ cụ thể giữa các bên đó. Cấp phép có thể có nhiều hình thức khác nhau: cấp phép thương hiệu, cấp giấy phép sản phẩm, cấp giấy phép quy trình. [10;58]

- Thuê ngoài (Outsourcing) là việc một thế nhân hay pháp nhân chuyển giao việc thực hiện toàn bộ một chức năng sản xuất – kinh doanh nào đó, bao gồm cả tài sản vật chất, nhân lực cho một nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài chuyên môn hóa trong lĩnh vực đó. Các nước đang phát triển Châu Á là địa điểm hàng đầu làm dịch vụ gia công cho các tập đoàn ở các nước lớn phát triển. Có thể kể một số trung tâm nhận thuê ngoài lớn nhất thế giới: Pune của Ấn Độ, Malina, Cube của Phillipin, Thượng Hải của Trung Quốc... [10;59]

Đây là các hình thức mà thông qua đó các công ty đa quốc gia điều phối các hoạt động trong chuỗi giá trị toàn cầu của họ và ảnh hưởng trực tiếp đến việc quản

lý công ty của nước chủ nhà mà không cần sở hữu cổ phần trong các công ty này. Các hoạt động đầu tư không nắm vốn chủ sở hữu xuyên biên giới diễn ra trên toàn thế giới và đặc biệt quan trọng ở các nước đang phát triển. Các hoạt động này tạo ra hơn 2000 tỷ USD trong năm 2009, trong đó hợp đồng sản xuất và thuê ngoài khoảng 1.100 – 1.300 tỷ USD, nhượng quyền thương mại: 330 – 350 tỷ USD, cấp phép chiếm 340 – 360 tỷ USD. [10;57]

1.3 Môi trường quan giữa môi trường đầu tư với khả năng thu hút FDI

1.3.1. Vai trò của môi trường đầu tư với thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

(1) - Môi trường đầu tư vừa là nhân tố thu hút, vừa là các điều kiện đảm bảo cho quá trình đầu tư diễn ra và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Một quốc gia có một môi trường đầu tư thuận lợi với môi trường pháp lý ổn định, hệ thống pháp luật rõ ràng, minh bạch, kết cấu hạ tầng tốt là những nhân tố hấp dẫn thu hút nhà đầu tư nước ngoài. Với thủ tục hành chính đơn giản, nhanh chóng, môi trường chính trị xã hội ổn định giúp nhà đầu tư yên tâm, tin tưởng khi quyết định đầu tư. Với những nhân tố trên, có thể khẳng định môi trường đầu tư đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời cũng là điều kiện đảm bảo cho quá trình đầu tư diễn ra và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

(2) - Môi trường đầu tư là “chất hấp dẫn” thu hút các nhà đầu tư vào phát triển kinh tế xã hội.

Bất cứ quốc gia nào muốn phát triển cũng cần có vốn. Muốn thu hút được nhiều vốn thì phải cải thiện môi trường đầu tư. Vì môi trường đầu tư được coi là nhân tố số một để khơi thông các dòng vốn từ mọi tầng lớp dân cư trong nước và nước ngoài. Môi trường đầu tư thông thoáng sẽ thúc đẩy hoạt động đầu tư có hiệu quả, tạo cơ hội và động lực cho các doanh nghiệp nước ngoài tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh lâu dài. Cải thiện môi trường đầu tư giúp thu hút thêm nhiều nguồn vốn đầu tư, thu hút thêm nhiều lao động, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, đặc biệt ở các nước đang phát triển.

(3) - Môi trường đầu tư thuận lợi sẽ tạo ra sự khác biệt về vị thế đầu tư, đồng thời là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực thi chiến lược kinh

doanh, chính sách phát triển và năng lực cạnh tranh của các nhà đầu tư.

Kinh nghiệm thu hút các nguồn tài chính nước ngoài đã chỉ ra rằng: quyết định của các nhà đầu tư lại phụ thuộc rất nhiều vào môi trường đầu tư. Điều đó có nghĩa là đối với các nhà đầu tư nước ngoài, họ sẽ tìm kiếm những thông tin về môi trường đầu tư giữa các nước khác nhau, sau đó lựa chọn một môi trường đầu tư của một nước có tính cạnh tranh nhất.

Vì vậy, cần phải tạo ra một môi trường đầu tư có tính cạnh tranh cao trong nước và ngoài nước để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

(4) - Môi trường đầu tư là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng và thực hiện chiến lược đầu tư và các chính sách phát triển đầu tư của quốc gia và doanh nghiệp đầu tư.

1.3.2. Ảnh hưởng của môi trường đầu tư tới thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Môi trường đầu tư quyết định vốn đầu tư, điều này thể hiện trên hai khía cạnh:

+ Thứ nhất, môi trường đầu tư quyết định số lượng vốn đăng ký.

Nếu môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng sẽ là yếu tố hấp dẫn các nhà đầu tư. Những quốc gia có môi trường đầu tư thuận lợi có thể thu hút được số lượng lớn các dự án đầu tư nước ngoài, đồng thời quy mô của các dự án cũng lớn hơn nhiều so với các nước không có môi trường đầu tư thuận lợi. Vì môi trường đầu tư có ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư. Một môi trường đầu tư tốt sẽ thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả và tạo ra nhiều việc làm cho người dân, cung cấp nhiều hàng hóa, dịch vụ tốt cho người tiêu dùng, đóng góp vào ngân sách nhà nước,...từ đó lại tác động đến cơ sở hạ tầng, cơ chế chính sách...

+ Thứ hai, môi trường đầu tư ảnh hưởng đến số lượng vốn thực hiện, vốn bổ sung.

Khi nói đến vốn FDI không thể không chú ý đến hai chỉ số, đó là vốn đăng ký và vốn thực hiện. Hai nguồn vốn này không phải lúc nào cũng trùng khớp với nhau. Vốn đăng ký là vốn mà khi thành lập, doanh nghiệp đăng ký với một số lượng nhất định nào đó. Vốn thực hiện là số lượng vốn thực tế được đưa

vào đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Ở những nơi có môi trường đầu tư không thuận lợi, ví dụ: nhà đầu tư gặp khó khăn khi đăng ký kinh doanh, xây dựng xí nghiệp, nhà máy...thì nhà đầu tư sẽ rút bớt số vốn đăng ký ban đầu, và ngược lại, nếu thấy môi trường đầu tư thuận lợi thì nhà đầu tư có thể tăng số vốn thực tế hay vốn bổ sung.

- Môi trường đầu tư ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và tốc độ giải ngân các dự án.

Có một môi trường đầu tư tốt sẽ giúp cho các nhà đầu tư giảm bớt được chi phí sản xuất, chi phí đầu tư, chi phí vận chuyển, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, từ đó nâng cao mức doanh lợi, tức hiệu quả vốn đầu tư. Bên cạnh đó, các nhà đầu tư khi triển khai các dự án lớn thường gặp phải những khó khăn về thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng, cơ sở hạ tầng, hay nguồn nhân lực...liên quan đến tốc độ giải ngân vốn FDI. Vì với các dự án lớn, thời gian triển khai đi vào hoạt động thường lâu hơn và khiến cho việc giải ngân vốn bị kéo dài.

Vì vậy, muốn thu hút vốn FDI ngày càng nhiều hơn thì các quốc gia nói chung và các địa phương nói riêng phải quan tâm đến việc cải thiện môi trường đầu tư. Bởi đây là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc thu hút FDI.

1.3.3. Bài học kinh nghiệm về cải thiện môi trường đầu tư để tăng cường khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của một số địa phương ở Việt Nam

- Kinh nghiệm của tỉnh Bình Dương

Bình Dương là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nhờ có lượng vốn đầu tư FDI lớn, địa phương này đã có sự phát triển vượt bậc. Bình Dương đã có những cách làm riêng để thu hút FDI, chú trọng từng khâu, từ quy trình lựa chọn nhà đầu tư, cấp giấy phép đến hỗ trợ triển khai dự án.

Bình Dương luôn ý thức được rằng muốn tăng cường khả năng thu hút nguồn vốn FDI, trước hết phải tạo được môi trường đầu tư thuận lợi đối với các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là công tác giải phóng mặt bằng. Đây là một trong những rào cản lớn nhất của việc thu hút và giải ngân FDI tại nhiều nơi. Nếu không làm tốt khâu này thì nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thu hút và giải ngân vốn FDI.

Do đó, lãnh đạo địa phương đã quyết tâm tháo gỡ “*nút thắt*” này để đẩy nhanh tốc độ triển khai vốn.

- Kinh nghiệm của Đà Nẵng

Trong những năm gần đây, Đà Nẵng đã thực sự trở thành trung tâm kinh tế của khu vực miền Trung và là thành phố thu hút FDI nhiều nhất khu vực này cả về số dự án và quy mô vốn đầu tư. Hơn 20 năm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Đà Nẵng đã có những tổng kết kinh nghiệm quý báu về giải pháp cải thiện môi trường đầu tư của thành phố, nhằm tăng cường khả năng thu hút FDI.

Thứ nhất, ý thức được vai trò quan trọng và tác động của môi trường đầu tư với hoạt động thu hút FDI. Đà Nẵng đã tạo được một môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng cho các nhà đầu tư nước ngoài khi đến đầu tư, như: đơn giản hóa các thủ tục hành chính, hỗ trợ các doanh nghiệp nước ngoài ở tất cả các khâu, các bước của quá trình đầu tư, từ tìm kiếm, xúc tiến đến thủ tục lập hồ sơ, thẩm tra cấp giấy chứng nhận và sau đó là triển khai hoạt động dự án.

Thứ hai, Đà Nẵng thực hiện đồng bộ và nhất quán cơ chế đầu tư, kết hợp giữa đầu tư trong nước với FDI, ODA và các nguồn viện trợ khác. Nguồn viện trợ ODA để đầu tư vào cơ sở hạ tầng, phát triển các dịch vụ phục vụ thu hút FDI là cách làm rất có hiệu quả. Trong khi nguồn vốn từ ngân sách có hạn, thành phố luôn cân nhắc để quyết định hạng mục kết cấu hạ tầng nào được ưu tiên đẩy mạnh đầu tư để thực hiện mục tiêu đề ra.

Thứ ba, chính sách khuyến khích đầu tư ở Đà Nẵng được thực hiện một cách đồng bộ để tạo thuận lợi trong việc tìm kiếm đối tác. Bên cạnh đó, Đà Nẵng kiên quyết từ chối các dự án đầu tư có giá trị lớn, nhưng nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Một số bài học kinh nghiệm rút ra đối với Hải Phòng

Qua nghiên cứu quá trình thu hút FDI của một số địa phương ở Việt Nam, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Hải Phòng trong việc cải thiện môi trường đầu tư, để thu hút hiệu quả nguồn vốn FDI, cụ thể:

Thứ nhất, cần thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng của môi trường đầu tư với hoạt động thu hút FDI, trên cơ sở đó đề ra các chủ trương, chính

sách và giải pháp tổ chức, thực hiện tập trung thống nhất, đồng bộ, như kinh nghiệm của thành phố Đà Nẵng.

Thứ hai, tăng cường mở rộng địa bàn, lĩnh vực và đối tác đầu tư, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài khi đến địa phương đầu tư. Không ngừng bổ sung, sửa đổi kịp thời các cơ chế, chính sách ưu đãi, giảm chi phí đầu tư và cải tiến mạnh mẽ các thủ tục hành chính nhằm tạo sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư.

Thứ ba, tổ chức và thực hiện tốt công tác xúc tiến đầu tư với các hình thức đa dạng như quảng cáo, tuyên truyền, chủ động kêu gọi các nhà đầu tư, tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư trong nước có hiệu quả nhằm kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, cần phải lựa chọn kỹ các dự án đầu tư, kiên quyết từ chối các những dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (như kinh nghiệm của Đà Nẵng).

Thứ tư, trong công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cần phải dứt điểm từng dự án một, tránh tình trạng dàn trải dẫn đến giải phóng mặt bằng chậm trễ, xây dựng kết cấu hạ tầng dở dang mất nhiều thời gian. Chú ý sử dụng nguồn vốn ODA vào xây dựng các công trình trọng điểm và làm lực đẩy để thu hút FDI.

Kinh nghiệm của Đà Nẵng và Bình Dương cho thấy thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng nhanh chóng, quản lý sử dụng tốt nguồn vốn ODA là một trong những điểm sáng để thu hút nhiều hơn nữa FDI.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH THU HÚT FDI Ở HẢI PHÒNG

2.1. Những lợi thế của Hải Phòng trong thu hút FDI nhìn dưới góc độ môi trường đầu tư

2.1.1 Thái độ chính trị trong việc tiếp nhận đầu tư và sự ổn định chính trị xã hội

* Thái độ chính trị trong việc tiếp nhận đầu tư

Ngay từ những ngày đầu của sự nghiệp đổi mới, mở cửa trong giai đoạn 1991 – 1996, Đảng bộ và chính quyền thành phố Hải Phòng đã có quyết tâm chính trị đầy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại, trong đó có vấn đề thu hút FDI bằng việc bắt đầu triển khai xây dựng khu chế xuất, khu kinh tế đặc biệt.

Trong giai đoạn phát triển 1996 – 2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XI xác định: *“Từ nay đến năm 2000, kinh tế đối ngoại tiếp tục được xác định là mũi nhọn, đòn xeo, tạo môi trường thuận lợi hơn nữa để thu hút vốn đầu tư nước ngoài”*.

Trong các giai đoạn phát triển tiếp theo từ 2001 – 2010, và 2011 – 2020, Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII và lần thứ XIV đều khẳng định cần tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại trên cơ sở mở rộng không gian kinh tế, huy động mọi nguồn lực, tiềm năng cho phát triển nhanh thành phố.

Tóm lại, Hải Phòng luôn coi trọng phát triển kinh tế đối ngoại, quan tâm đáng kể đến thu hút FDI, để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng.

* **Sự ổn định chính trị - xã hội** cũng là một trong những điểm thuận lợi, là lợi thế trong thu hút FDI. Ổn định chính trị xã hội luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu mà bất cứ nhà đầu tư nào cũng quan tâm trước khi quyết định nơi đầu tư. Từ đổi mới đến nay, về cơ bản Hải Phòng không xảy ra những vấn đề bất ổn định về chính trị. Thành phố luôn duy trì tốt tình hình an ninh, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh, an toàn, cho người nước ngoài, các nhà đầu tư nước ngoài hoạt động trên địa bàn thành phố.

2.1.2 Điều kiện tự nhiên

* Vị trí địa lý



Hình 2.1 : Bản đồ Hải Phòng

(Nguồn: Sở Kế hoạch – Đầu tư Hải Phòng)

Hải Phòng là thành phố cảng biển, nằm ở phía Đông miền Duyên hải Bắc bộ, với diện tích là 1.523,4 km². Hải Phòng có vị trí giao thông thuận lợi với các tỉnh, thành trong nước và quốc tế thông qua hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông và đường hàng không. Cảng Hải Phòng phát triển khá sớm, và là một trong những hải cảng lớn của quốc gia, là cửa ngõ giao lưu kinh tế, hội nhập và hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới. Hệ thống giao thông thuận lợi và cảng biển ngày càng được đầu tư phát triển hiện đại là yếu tố hấp dẫn, giúp giảm thiểu chi phí vận chuyển hàng hóa, sản phẩm công nghiệp, được các nhà đầu tư quan tâm, đánh giá cao. Ngoài ra, Hải Phòng còn được xác định là cực tăng trưởng của vùng kinh tế động lực phía Bắc gồm Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, là mắt xích quan trọng trong tuyến “hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt Nam – Trung Quốc”, có vị trí đặc biệt quan trọng đối với việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại cho các tỉnh miền Bắc.

Hải Phòng có nhiều tiềm năng về du lịch như: Khu du lịch Đồ Sơn, Hòn Dấu Resort, Cát Bà với khu dự trữ sinh quyển thiên nhiên được UNESCO công nhận. Ngoài ra, còn có các đảo nhỏ rải rác trên biển tạo nên cảnh quan thiên nhiên đặc sắc của thành phố duyên hải. Đây cũng là một tiềm năng, lợi thế trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các lĩnh vực du lịch, chế

biển thủy, hải sản, vận tải và đóng tàu.

* Tài nguyên thiên nhiên

- Tài nguyên đất: Hải Phòng có diện tích tự nhiên là 1507,57 km², trong đó diện tích đất liền là 1208,49 km². Diện tích đất canh tác là trên 57.000 ha, được hình thành từ phù sa của hệ thống sông Thái Bình, và nằm ven biển nên phần lớn mang tính chất đất phèn chua, mặn, địa hình cao thấp xen nhau và nhiều đồng trũng.

- Tài nguyên nước: Hải phòng có mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, mang lại nguồn lợi rất lớn về nước. Ngoài ra, tại Tiên Lãng có mạch suối khoáng ngầm duy nhất ở đồng bằng sông Hồng, tạo ra Khu du lịch suối khoáng nóng Tiên Lãng được nhiều người biết đến.

- Tài nguyên rừng: chủ yếu nằm ở Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà. Rừng nguyên sinh trong khu dự trữ sinh quyển là trạng thái rừng trên đá vôi khá độc đáo với một số loài động vật quý hiếm.

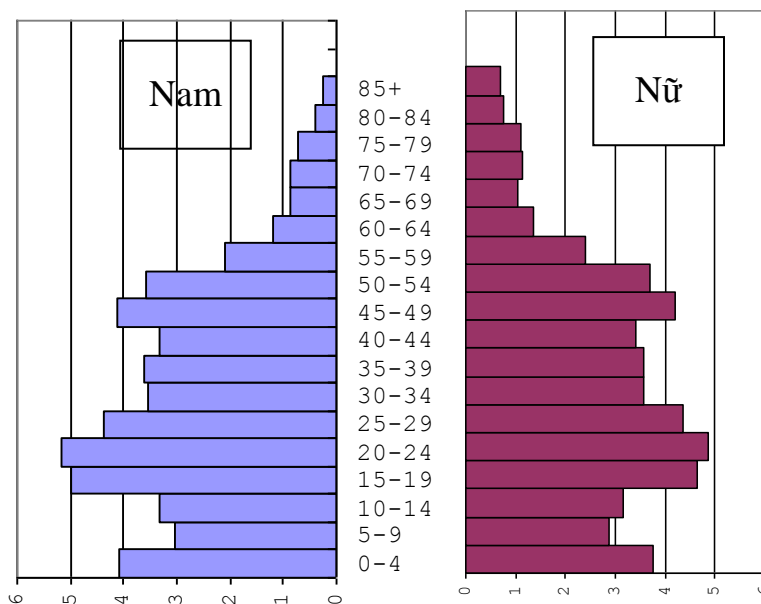
- Tài nguyên biển: bờ biển Hải Phòng trải dài trên 125 km, mang lại nguồn lợi rất lớn về cảng, góp phần phát triển thành cảng cửa ngõ quốc tế của miền Bắc và cả nước. Ngành du lịch ở đây cũng rất phong phú với những bãi tắm sạch, đẹp cùng với phong cảnh hữu tình tạo nguồn lợi lớn cho du lịch. Cát Bà còn có các rặng san hô, hệ thống hang động, có nhiều loại hải sản với gần 1000 loài tôm cá và hàng chục loài rong biển có giá trị kinh tế cao được thị trường quốc tế ưa chuộng. Tại các vùng biển ven bờ, ven đảo và các vùng bãi triều ở vùng cửa sông rộng tới trên 12.000 ha, vừa có khả năng khai thác, vừa có thể nuôi trồng thủy sản nước mặn và nước lợ có giá trị kinh tế cao.

- Tài nguyên khoáng sản: Hải Phòng có tài nguyên khoáng sản đa dạng, phong phú, như: mỏ cao lanh ở Thủy Nguyên, mỏ sét ở Tiên Lãng, Kiến Thụy, mỏ sắt ở Thủy Nguyên; mỏ đá vôi, mỏ kẽm ở Cát Bà, Thủy Nguyên, Tràng Kênh, Phi Liệt, Quaczi và tecti tập trung ở một số núi khu vực Đồ Sơn. Trên đảo Bạch Long Vĩ có đá asphalt, sản phẩm oxy hóa dầu, có triển vọng khai thác dầu khí, vì thêm lục địa Hải Phòng chiếm đến ¼ diện tích Đệ Tam Vịnh Bắc bộ, có bề dày đạt tới 3000m.

Với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng như trên, đây cũng là những yếu tố thuận lợi của Hải Phòng để thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực như: sản xuất công nghiệp, luyện kim, khai thác dầu khí, du lịch...

2.1.3 Nguồn nhân lực

Dân số thành phố Hải Phòng năm 2015 là 2.103.500 người, trong đó số dân thành thị chiếm 46,1%, số dân nông thôn chiếm 53,9%, là thành phố đông dân thứ 3 của cả nước, sau Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Dân số Hải Phòng phát triển theo cơ cấu dân số trẻ, độ tuổi dưới 15 tuổi năm 2005 là: 482,04 nghìn người, bằng 28,5% tổng dân số, năm 2014 là: 375,23 nghìn người, bằng 20,19% tổng dân số. Trong khi đó, dân số từ 15 tuổi đến dưới 60 tuổi tăng mạnh từ 1.043,72 nghìn người, bằng 61,71% dân số năm 2005 lên thành 1.290,55 nghìn người, bằng 69,45% dân số năm 2014. Điều này giúp cho thành phố bổ sung lực lượng lao động hàng năm và đảm bảo nguồn cung lao động cho mọi hoạt động kinh tế.[24]



Hình 2.2: Tháp dân số năm 2014

((Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và tính toán của Đề án)

- Chất lượng nguồn nhân lực:
- + Về trình độ học vấn

Bảng 2.1: Trình độ học vấn của dân số*Đơn vị tính: 1.000 người*

Dân số chia theo trình độ học vấn	2005	2009	2014
Chưa đi học	100,86	96,07	33,37
Chưa tốt nghiệp tiểu học	80,12	142,77	253,65
Tốt nghiệp tiểu học	379,44	337,76	399,75
Tốt nghiệp THCS	650,77	602,05	555,30
Tốt nghiệp THPT	480,27	594,78	716,22

(Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng)

Căn cứ vào những số liệu trên cho thấy chất lượng nguồn nhân lực của Hải Phòng đang ngày càng được cải thiện. Trong 10 năm (2005 - 2015), Hải Phòng vẫn tiếp tục là địa phương trong tốp đầu của cả nước về quy mô và chất lượng giáo dục - đào tạo; thành phố đã hoàn thành phổ cập bậc trung học cơ sở từ năm 2001 và cơ bản hoàn thành phổ cập bậc trung học và nghề từ năm 2008. Theo kết quả Tổng điều tra dân số ngày 01/4/2009 do Tổng cục Thống kê công bố, tỷ lệ biết chữ của dân số từ 15 tuổi trở lên của Hải Phòng năm 2009 là: 97,6%, cao nhất toàn quốc và bằng với thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, trong đó, tỷ lệ biết chữ của dân số nam từ 15 tuổi trở lên là: 98,9%, của dân số nữ là: 96,4%. Tính đến hết năm 2015, Hải Phòng là địa phương duy nhất trong cả nước 21 năm liên tục có học sinh đạt huy chương trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc tế; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và thi đỗ đại học, cao đẳng đạt trên 50% và luôn đứng ở tốp đầu cả nước.

+ Về trình độ chuyên môn kỹ thuật

Bảng 2.2: Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động đang làm việc

Trình độ CMKT	Đơn vị tính	2004	2009	2014
- Lao động có việc làm	1.000 người	805,04	946,70	996,48
Chưa đào tạo CMKT	1.000 người	673,38	713,96	749,81
Sơ cấp	1.000 người	40,13	63,59	54,83
Trung cấp	1.000 người	43,84	60,45	45,35
Cao đẳng	1.000 người	11,66	21,78	22,14
Đại học	1.000 người	35,09	84,29	110,16
Trên đại học	1.000 người	0,9	2,57	4,17
Không xác định	1.000 người	0,04	0,05	0,03
Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với lao động có việc làm	%	16,35	24,58	23,99
Cơ cấu lao động theo trình độ đại học và trên đại học - cao đẳng - trung và sơ cấp	Người	1-0,32-2,33	1-0,25-1,43	1-0,19-0,88

(Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và tính toán của Đề án)

Theo số liệu thống kê thì số lao động chưa qua đào tạo và lao động ở các trình độ khác tăng chậm, lao động có trình độ đại học tăng gần 3 lần và hiện chiếm số lượng nhiều nhất trong các trình độ đào tạo. Với mạng lưới 58 cơ sở dạy nghề, cơ sở vật chất, thiết bị được quan tâm đầu tư, quy mô đào tạo luôn ổn định đạt bình quân 50.000 học viên/năm ở cả ba cấp trình độ⁽ⁱ⁾, tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp trung cấp nghề, cao đẳng nghề có việc làm ngay sau khi ra trường đạt trên 85%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2015 đạt 75%, hoàn thành kế hoạch đề ra.

Bảng 2.3: Số lượng lao động theo thành phần kinh tế

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2000	2005	2009	2014
Lao động có việc làm	1.000 người	805,04	946,70	975,06	986,48
- Kinh tế Nhà nước	1.000 người	121,13	122,20	111,28	143,95
<i>Tỷ trọng</i>	<i>%</i>	<i>15,05</i>	<i>12,91</i>	<i>11,41</i>	<i>14,59</i>
- Kinh tế ngoài Nhà nước	1.000 người	683,67	804,38	799,55	800,32
<i>Tỷ trọng</i>	<i>%</i>	<i>84,92</i>	<i>84,97</i>	<i>82,0</i>	<i>81,13</i>
- Kinh tế có vốn ĐTNN	1.000 người	0,24	20,13	55,06	42,21
<i>Tỷ trọng</i>	<i>%</i>	<i>0,03</i>	<i>2,12</i>	<i>6,59</i>	<i>4,82</i>

(Nguồn: Niên giám thống kê Hải Phòng)

Xét về mặt số lượng thì lao động trong các thành phần kinh tế đều tăng với mức độ khác nhau. Lao động có việc làm năm 2014 tăng 181,44 nghìn người (tăng 22,54%) so với năm 2000, trong đó, kinh tế nhà nước tăng 22,82 nghìn người (tăng 18,84%), kinh tế ngoài nhà nước tăng 116,65 nghìn người (tăng 17,06%), kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 41,97 nghìn người (tăng 177 lần)

Tuy nhiên, xét về tỷ trọng thì lao động khu vực kinh tế nhà nước có xu hướng giảm dần từ 15,05% năm 2000 xuống còn 14,59% năm 2014.

Lao động khu vực kinh tế ngoài nhà nước tuy có xu hướng giảm nhưng vẫn duy trì tỷ lệ cao so với các thành phần kinh tế khác (thu hút trên 81% lao động có việc làm). Khu vực này giải quyết việc làm cho nhiều lao động, nhưng phần lớn các doanh nghiệp chỉ có quy mô nhỏ và vừa, khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh bị hạn chế và cũng chịu nhiều ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới trong thời gian qua, đặc biệt là trong các doanh nghiệp may mặc, da giày ...

Lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng tăng nhanh từ 0,03% năm 2000 lên 4,82% năm 2014. Điều này phần nào cho thấy kết quả và hiệu quả của công tác thu hút đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố. Lao

động trong khu vực này tuy có tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu lao động của thành phố, song lại góp phần đáng kể trong việc tạo ra lực lượng lao động lành nghề, có kỹ luật lao động cao cho thành phố.

Nhìn chung, nguồn nhân lực Hải Phòng có các ưu điểm: số lượng dồi dào, tuổi đời còn trẻ, cần cù, chịu khó, có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật, năng động, nhạy bén, có khả năng tiếp thu khoa học, kỹ thuật,... Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực của Hải Phòng chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài. Số lao động được tuyển chọn vào làm việc tại các doanh nghiệp nước ngoài đều phải đào tạo lại. Tình trạng “*thừa thầy, thiếu thợ*” vẫn phổ biến, lực lượng lao động của thành phố chưa thực sự là lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao.

2.1.4. Kết cấu hạ tầng giao thông, thông tin, hệ thống cung cấp năng lượng

Kết cấu hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ là một trong những nhân tố quan trọng tạo ra sự tăng trưởng và thu hút đầu tư vào thành phố.

* Giao thông vận tải

- Hệ thống cảng:

Hệ thống cảng biển của Hải Phòng có lượng hàng hóa thông quan lớn nhất trong các cảng miền Bắc. Cảng Hải Phòng được đầu tư nâng cấp, với trang thiết bị hiện đại, an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế. Lượng hàng hóa qua Cảng là trên 43 triệu tấn trong năm 2015. Cảng Container Chùa Vẽ được quy hoạch thành khu chu chuyển hàng hóa lớn và hiện đại nhất trong khu vực phía Bắc với công suất khoảng 7 triệu tấn/năm. Thêm vào đó, hệ thống cảng biển bao gồm 9 điểm hạ neo cho tàu có trọng tải tối đa 5.000 DWT trong khu vực tàu Hạ Long – Hòn Gai. Các kho chứa hàng có diện tích trên 600.000 m², thuận tiện cho việc chứa hàng và vận chuyển. Phương tiện phục vụ cho các hoạt động bốc xếp đều được trang bị hiện đại, đầy đủ đảm bảo phục vụ cho nhiều tàu vào ra, bốc xếp hàng cùng ngày. Khu bến Lạch Huyện được xây dựng làm cảng tổng hợp và cảng container, là khu bến chính của Cảng Hải Phòng, có năng lực tiếp nhận tàu 50.000 đến 80.000 DWT vào năm 2020. Khu Cảng Đình Vũ sẽ được nạo vét, cải tạo để có thể tiếp nhận được tàu 20.000 đến 30.000 DWT. [4;232]

- Đường bộ:

Mạng lưới đường bộ của Hải Phòng đến Hà Nội và các tỉnh phía Bắc thông qua Quốc lộ 5 và Quốc lộ 10, đã được Chính phủ đầu tư nâng cấp. Mạng lưới giao thông đô thị cũng được đầu tư mới, mở rộng và nâng cấp để thuận tiện cho việc giao lưu kinh tế với các tỉnh lân cận Thái Bình, Quảng Ninh, Hải Dương, Hà Nội.

- Đường sắt:

Mạng lưới đường sắt Hải Phòng – Hà Nội – Lào Cai, nối liền tới Côn Minh (tỉnh Vân Nam – Trung Quốc); Hải Phòng – Hà Nội – Lạng Sơn – Nam Ninh (tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) rất thuận tiện cho việc vận chuyển người và hàng hóa. Các tuyến đường sắt Hải Phòng - Hà Nội nối liền với nhiều tỉnh thành phố phía Bắc và phía Nam tới thành phố Hồ Chí Minh, thuận tiện cho việc chuyên chở hàng hóa đi và đến cảng Hải Phòng.

- Hàng không:

Giao thông hàng không của Hải Phòng cũng rất thuận tiện, với các chuyến bay nội địa tới các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Hiện tại, sân bay Cát Bi đã được Chính phủ cho phép nâng cấp thành cảng hàng không quốc tế dự bị cho sân bay quốc tế Nội Bài.

* Thông tin liên lạc

Mạng lưới bưu chính, viễn thông trong nước và quốc tế, hệ thống dịch vụ cho người nước ngoài với hàng loạt các phương tiện, trang thiết bị hiện đại, đa dạng đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao, đảm bảo các tiện ích sử dụng và phục vụ khách hàng, các nhà đầu tư kinh doanh và sinh sống tại thành phố. Hầu hết mọi hoạt động của chính quyền cũng như các cơ quan nhà nước đều được số hóa, giao diện chủ yếu qua internet và công khai trên các cổng thông tin điện tử.

* Hệ thống khu, cụm công nghiệp

Hải Phòng có các khu công nghiệp, chế xuất và khu kinh tế. Điển hình là các khu công nghiệp Nomura Hải Phòng và khu kinh tế Đình Vũ. Khu công nghiệp Nomura được coi là tốt nhất Việt Nam về hạ tầng cơ sở, có diện tích 153 ha, với trạm cung cấp điện độc lập, nhà máy nước, 1 tổng đài điện thoại và nhiều

phương tiện công cộng khác. Khu kinh tế Đình Vũ được chia thành 3 phần: khu vực chế biến xuất khẩu, khu công nghiệp và khu dân cư. Khu kinh tế Đình Vũ có diện tích xấp xỉ 1.152 ha, khi hoàn thành Đình Vũ sẽ trở thành một khu công nghiệp, cảng nước sâu cho tàu có trọng tải tới 20.000 tấn và công suất 12 triệu tấn hàng hóa/năm, khu thương mại và dân cư hiện đại.

- Hệ thống cung cấp nước và năng lượng điện

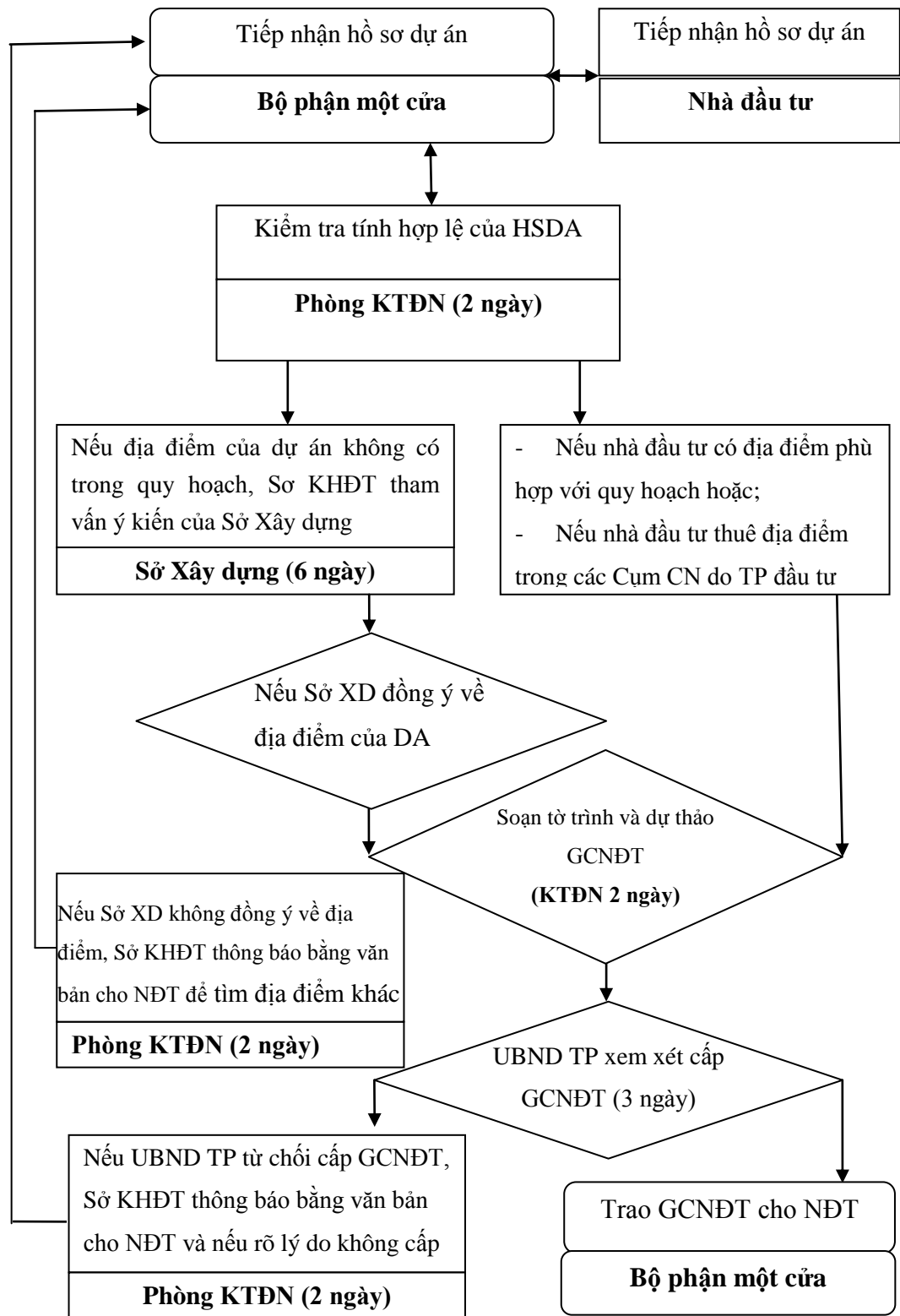
Nhờ đầu tư kịp thời bằng các dự án cấp nước vay vốn ODA của Phần Lan, Ngân hàng Thế giới (WB), hệ thống cung cấp nước sạch của Hải Phòng được đánh giá là tốt nhất Việt Nam đảm bảo cung cấp đủ nước cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Ngoài nguồn cung cấp điện năng từ mạng lưới quốc gia của khu vực phía Bắc, Hải Phòng có một số nhà máy cung cấp điện (lớn nhất là nhà máy điện Tam Hưng, tại huyện Thủy Nguyên) luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ điện năng cho sản xuất và tiêu dùng của thành phố. Mạng lưới cấp điện đã được đầu tư nâng cấp nhanh chóng đáp ứng các yêu cầu phát triển sản xuất, nâng cao mức sống cả ở thành phố và các vùng nông thôn, hải đảo.

2.1.5. Cải cách thủ tục hành chính và các chính sách thu hút FDI

Nhằm cải cách các thủ tục hành chính, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2005 – 2015. Trong cải cách hành chính, lĩnh vực được ưu tiên nhất là đăng ký cấp phép đầu tư, nhằm tăng cường thu hút đầu tư. Xác định việc thực hiện cải cách hành chính là nhân tố quan trọng để cải thiện môi trường đầu tư tại Hải Phòng, Sở kế hoạch đầu tư đã thực hiện cơ chế “một cửa” liên thông đối với lĩnh vực đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu, cấp mã số thuế. Cùng với đó, Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện cơ chế “một cửa” liên thông trong việc giới thiệu địa điểm, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chỉ số cải cách hành chính năm 2013 và năm 2014 của thành phố liên tục đứng thứ 2/63 tỉnh, thành phố; đứng thứ nhất các tỉnh, thành phố thuộc khu vực miền Bắc; đứng thứ 2/5 thành phố trực thuộc Trung ương.

Sơ đồ 2.1: Quy trình đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài thuộc diện đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư



(Nguồn: Sở Kế hoạch - Đầu tư Hải Phòng)

- Thực hiện theo sơ đồ này thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài thuộc diện đăng ký, có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện: thời gian giải quyết là 7 – 13 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Dự án thuộc diện thẩm tra (không bao gồm Dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương) quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện; quy mô vốn từ 300 tỷ đồng trở lên (hoặc dưới 300 tỷ đồng) và thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện: thời gian thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận đầu tư là 23 – 25 ngày.

Ngoài ra, để đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài, Thành phố thường xuyên cập nhật các thông tin về quy trình, các thủ tục cần thiết cho hoạt động đăng ký kinh doanh,... thông qua cổng thông tin điện tử. Điều này giúp cho nhà đầu tư có thể tiết kiệm thời gian, chi phí, tránh bị phiền hà, rắc rối, quan liêu, hạch sách, những nhiễu của một số cán bộ có thẩm quyền.

* Các chính sách ưu đãi thu hút FDI

- Ưu đãi về thuế: là chính sách được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhất khi thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam nói chung và tại Hải Phòng nói riêng. Lộ trình điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp từ 32% (1997) cho đến 25% (2009) và gần đây nhất là 22% (hiệu lực 01.01.2014), 20% (hiệu lực 01.01.2016) đã tạo một bước tiến lớn giúp các doanh nghiệp trong và ngoài nước “hào hứng” hơn với việc tiến hành kinh doanh trong bối cảnh kinh tế hiện nay. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định về mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với các doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; sản xuất sản phẩm phần mềm, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá... nhằm thu hút và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư quan tâm đến các lĩnh vực này. Cụ thể:

+ Đối với địa bàn ưu đãi đầu tư tại Hải Phòng là: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, huyện Cát Hải và huyện Bạch Long Vĩ miễn thuế suất ưu đãi 10%

trong thời gian 15 năm áp dụng với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế.

+ Miễn thuế, giảm thuế:

Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

+ Về thuế thu nhập cá nhân: giảm 50% thuế thu nhập đối với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế.

+ Theo Luật thuế xuất nhập khẩu cho phép miễn thuế trong các trường hợp: hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất của các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư...cùng với đó là sự ra đời những hiệp định về ưu đãi thuế xuất, nhập khẩu trong phạm vi các nước ASEAN, WTO đã giúp các nhà đầu tư giảm chi phí đầu vào, tăng năng suất sản xuất, xuất khẩu, nâng cao sức cạnh tranh ở thị trường trong nước cũng như quốc tế. Như vậy, thuế xuất nhập khẩu đã góp phần tạo nên một môi trường thuận lợi, hấp dẫn cho các nhà đầu tư.

- Ưu đãi về chính sách đất đai:

Theo Nghị định 121/2010/NĐ-CP sửa đổi bổ sung của Nghị định 142/2005/NĐ-CP, Chính phủ đã thông qua việc miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước và tiền sử dụng đất; đối tượng miễn nộp tiền thuê đất trong các trường hợp: Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư được đầu tư tại

địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án sử dụng đất xây dựng nhà chung cư cho công nhân của các khu công nghiệp; dự án sử dụng đất xây dựng ký túc xá sinh viên bằng tiền từ ngân sách nhà nước...Cụ thể tại Hải Phòng :

+ Về tiền thuê đất: miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong các trường hợp sau:

- Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Trong thời gian xây dựng dự án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp dự án có nhiều hạng mục công trình hoặc giai đoạn xây dựng độc lập với nhau thì miễn tiền thuê theo từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập thì thời gian xây dựng được tính theo hạng mục công trình có tỷ trọng vốn lớn nhất.

- Kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động, miễn tiền thuê đất 11 năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Ngoài ra, để kêu gọi đầu tư, Hải Phòng cũng đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ về chuyển giao công nghệ, đào tạo, dạy nghề, hỗ trợ đầu tư phát triển và dịch vụ đầu tư, hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Bên cạnh những chính sách chung theo quy định của pháp luật, các nhà đầu tư có thể tham khảo các chính sách khuyến khích về mặt bằng thực hiện dự án, chi phí quảng cáo, thưởng môi giới đầu tư...từ các địa phương mà mình tiến hành kinh doanh, tạo dựng cơ sở.

Để tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hải Phòng, trong thời gian qua thành phố đã nỗ lực làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo mặt bằng sạch cho các nhà đầu tư, đồng thời giải quyết tốt khâu đền bù, tái định cư, kết hợp với tăng cường tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến đầu tư, nên thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp tại Hải Phòng đã có chuyển biến tích cực. Các khu công nghiệp Đồ Sơn, Đình Vũ thu hút được nhiều nhà đầu tư và đang tích

cực xây dựng thêm các khu, cụm công nghiệp mới như: Sài Gòn – Hải Phòng, Vinashin, Shinec, Vsip tại Thủy Nguyên, tạo mặt bằng sạch cho nhà đầu tư nước ngoài.

2.1.6 Công tác vận động, xúc tiến đầu tư

Xúc tiến đầu tư là hoạt động đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút đầu tư. Thực hiện tốt khâu xúc tiến đầu tư cũng là tiền đề để lựa chọn các nhà đầu tư có năng lực với những dự án đầu tư tốt, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư, thực hiện thành công tái cơ cấu đầu tư.

Để nâng cao hoạt động xúc tiến đầu tư, lãnh đạo thành phố đã tăng cường tiếp xúc, tìm hiểu các khó khăn vướng mắc của nhà đầu tư, trên cơ sở đó có sự hỗ trợ cho các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư để triển khai hoạt động được thuận lợi, kinh doanh có hiệu quả. Thành phố đang tích cực đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, xây dựng hệ thống thông tin tư liệu, tài liệu tuyên truyền giới thiệu về Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải và các khu công nghiệp, về môi trường đầu tư của thành phố. Tích cực đổi mới phương thức hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức các hội nghị, các đoàn vận động đầu tư ở trong nước và nước ngoài, tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ ngành trung ương, các đại diện Việt Nam ở nước ngoài giới thiệu, tiếp cận những nhà đầu tư lớn; đồng thời không ngừng nâng cao các dịch vụ hành chính công, chăm sóc các doanh nghiệp đang hoạt động trong Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải và các khu công nghiệp, qua đó giới thiệu, quảng bá môi trường đầu tư của Hải Phòng và của Khu kinh tế và các khu công nghiệp.

2.1.7 Xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Cho đến nay các địa phương đều rất coi trọng chỉ số PCI, xem đó là một chỉ số để nâng cao năng lực điều hành, cạnh tranh, nhằm cải thiện môi trường đầu tư. Những năm gần đây, Hải Phòng đã có nhiều cố gắng trong việc cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, kết quả chưa được như mong muốn.

Năm 2010, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Hải Phòng xếp thứ 48/63 tỉnh thành, tụt 12 bậc so với 2009, nằm trong nhóm trung bình. Năm 2011, khi Hải Phòng đang ở vị trí 38 tụt xuống vị trí 45. Chỉ số PCI của Hải

Phòng năm 2012 xếp hạng thứ 50/63 tỉnh, thành phố, tụt 5 bậc so với năm 2011. Số liệu thống kê, khảo sát 9 chỉ số trong bộ PCI về Hải Phòng đều tụt hạng. Chẳng hạn, chi phí gia nhập thị trường năm 2010 là 6,38, tiếp cận đất đai là 3,83 (giảm so với năm 2009 - 4,78), tính minh bạch và tiếp cận thông tin 6,23; chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước là 5,62, tính năng động của lãnh đạo thấp kém, chỉ đạt 2,66. Ngoài ra, các chỉ số khác như dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, đào tạo lao động cũng chưa có nhiều cải tiến hơn so với năm 2009. Chỉ số đào tạo lao động và chính sách cho khu vực kinh tế tư nhân có dấu hiệu đi xuống, chi phí không chính thức còn ở mức cao. Đặc biệt, chỉ số "Lãnh đạo tỉnh năng động và tiên phong trong giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp" của lãnh đạo Hải Phòng được các doanh nghiệp tham gia điều tra đánh giá thấp hơn năm trước.

Trước thực trạng như vậy, UBND thành phố Hải Phòng đã tổ chức hai Hội nghị gặp gỡ và đối thoại với trên 350 doanh nghiệp (vào ngày 09/7/2013 và ngày 12/6/2014). Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đã phối hợp cùng VCCI Hải Phòng tổ chức các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc với doanh nghiệp nhằm nắm bắt các kiến nghị báo cáo lãnh đạo thành phố kịp thời chỉ đạo giải quyết. Chỉ trong năm 2013 và 5 tháng đầu năm 2014, 350 kiến nghị của doanh nghiệp đã được UBND thành phố đã tiếp nhận và xử lý. Đặc biệt những kiến nghị về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp trong Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm hay tại Làng nghề Đúc Mỹ Đồng vốn kéo dài nay đã giải quyết. Dòng vốn cho doanh nghiệp vượt qua khủng hoảng cũng được khơi thông. Khi những vấn đề nan giải như tiếp cận đất đai, thủ tục hành chính được giải quyết, doanh nghiệp vượt khó thành công thì niềm tin và sự lạc quan cũng trở lại. Lãnh đạo thành phố cho rằng: “đối thoại sẽ đem lại sự thấu hiểu” và càng không phải là đương nhiên mà chỉ số PCI của Hải Phòng tăng vọt 35 bậc để lên đứng vị trí thứ 15 trên bảng PCI 2013, với 59,76 điểm, thành phố vào top 3 tỉnh, thành có năng lực cạnh tranh đứng đầu khu vực phía bắc. Đặc biệt doanh nghiệp thành phố đánh giá rất cao “tính năng động và tiên phong” của lãnh đạo Hải Phòng.

2.1.8. Tình hình phát triển kinh tế xã hội

(1) – Tốc độ tăng GDP

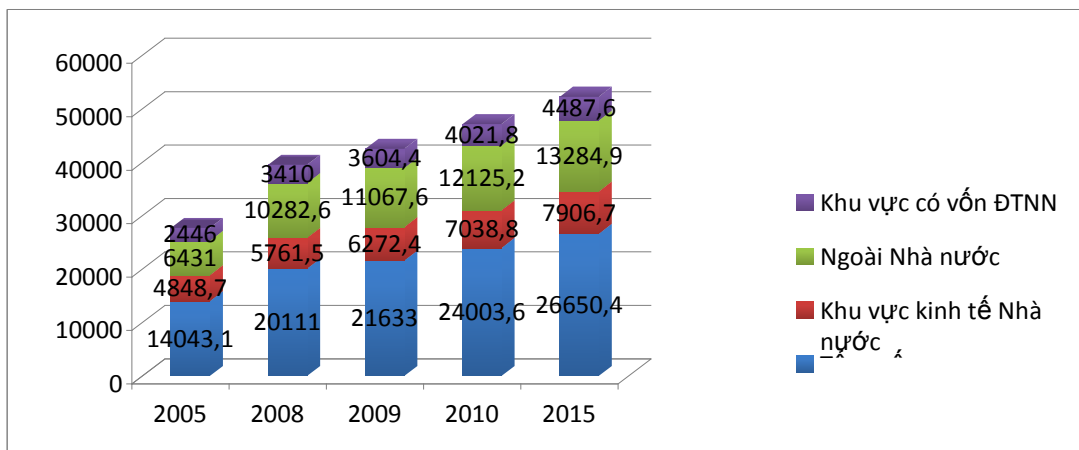
Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIII, trong giai đoạn 2010 - 2015, kinh tế thành phố đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khá, bình quân 5 năm (2011 – 2015) tăng 9,07%/năm, tuy không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra song vẫn duy trì mức tăng gấp gần 1,5 lần bình quân cả nước. Quy mô kinh tế của thành phố từng bước được mở rộng, so với năm 2010 giá trị GDP năm 2015 tăng gấp 1,52 lần, GDP bình quân đầu người tăng 1,8 lần. Tỷ trọng GDP Hải Phòng trong GDP cả nước tăng từ 2,7% năm 2010 tăng lên 3,5% năm 2015. Tốc độ tăng trưởng GDP ngành công nghiệp bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 9,44%/năm; chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2014 tăng 12,87% so với cùng kỳ, gấp hơn 1,7 lần so với bình quân chung của cả nước và cao nhất trong số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, năm 2015 tăng 16,52% so với năm 2014.[18]

(2) – Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ - công nghiệp và xây dựng, giảm tỷ trọng nông, lâm, thủy sản. Tỷ trọng GDP của các nhóm ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng từ 90,3% năm 2011 lên 92,37% năm 2015. Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp có sự thay đổi tích cực theo hướng tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ lực có lợi thế, tiềm năng, công nghiệp liên quan đến biển và sản xuất hàng xuất khẩu. Tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo luôn chiếm trên 90% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn thành phố; tỷ trọng các ngành sản xuất các sản phẩm điện tử, máy vi tính và quang học, sản xuất thiết bị điện, sản xuất thiết bị máy móc liên tục gia tăng qua các năm. Tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao, công nghiệp chế tạo trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp tăng từ 23,4% năm 2011 lên 30% năm 2015. Đã thu hút được một số dự án FDI có công nghệ sản xuất tiên tiến, sản phẩm có tính cạnh tranh cao nằm trong chuỗi giá trị phân phối toàn cầu; bước đầu thu hút được dự án của một số tập đoàn, công ty lớn, thuộc nhóm 500 công ty, tập đoàn hàng đầu thế giới như: Chevron, General Electric (GE), Idemisu, Bridgestone, LG và các tập đoàn khác có quy mô lớn và công nghệ

hiện đại, tiên tiến trong sản xuất, cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp và hàng hóa có xuất xứ sản xuất ở Việt Nam trên thị trường quốc tế. [18]

Quy mô kinh tế thành phố tương đối lớn, kết quả tăng trưởng kinh tế ổn định, liên tục ở mức cao so với nhiều địa phương trong cả nước, là một lợi thế đáng kể của Hải Phòng trong thu hút FDI.

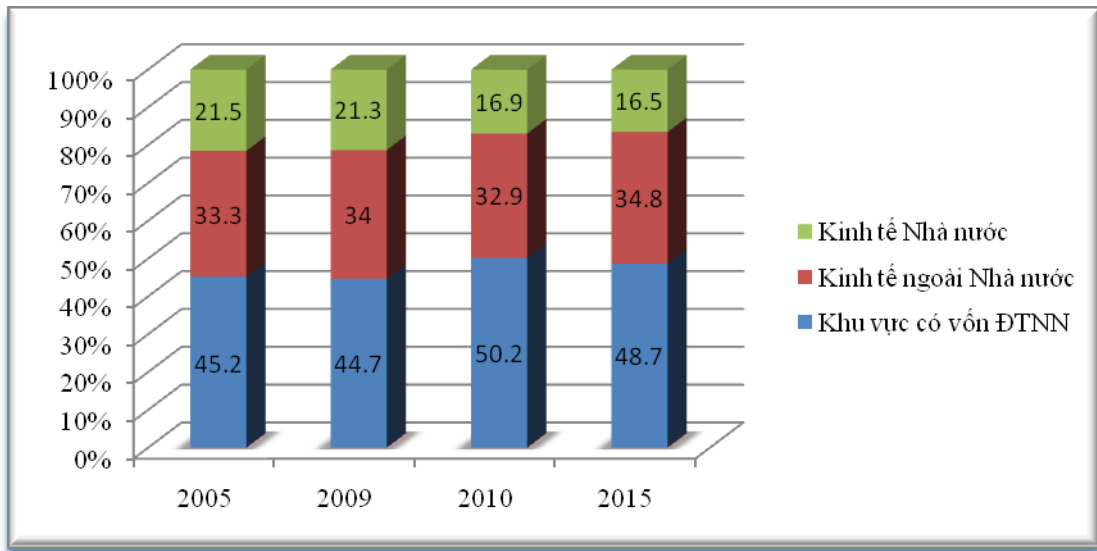


Hình 2.3: Tổng sản phẩm (GDP) của thành phố phân theo thành phần kinh tế

(Nguồn: Cục thống kê Hải Phòng)

(3) - Tình hình phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu

Hải Phòng được xác định là thành phố công nghiệp lớn của miền Bắc. Trong những năm qua, sản xuất công nghiệp của Hải Phòng luôn duy trì tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Các hội chợ thương mại cùng với các hoạt động khuyến mại được triển khai rộng rãi trên địa bàn thành phố, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 18,52%/năm. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại thành phố ổn định và phát triển khá tốt. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài luôn chiếm tỷ trọng cao (gần 50%) trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của thành phố giai đoạn từ năm 2005 – 2015.



Hình 2.4: Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế

(Nguồn: Cục thống kê Hải Phòng)

Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm (2010 – 2015) đạt trên 15,77 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng bình quân 15,87%/năm, năm 2015 đạt 4,23 tỷ USD vượt kế hoạch đề ra. Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm (2010- 2015) đạt 16,07 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 15,15%/năm; tỷ lệ nhập siêu là 1,9% so với tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm mạnh so với giai đoạn 2006 - 2010 với tỷ lệ nhập siêu là 16,3% so với tổng kim ngạch xuất khẩu. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng tiếp tục được mở rộng và hiện đại hóa ⁽ⁱⁱ⁾. Các dịch vụ mới như kinh doanh bất động sản, tư vấn, bảo hiểm, cho thuê tài chính, chứng khoán... tiếp tục có bước phát triển.

2.2. Đánh giá thu hút FDI ở Hải Phòng dưới tác động của môi trường đầu tư

2.2.1 Tốc độ tăng các dự án FDI qua các giai đoạn

- Tốc độ tăng các dự án FDI của Hải Phòng:

+ Trước năm 1990, Hải Phòng chỉ có một vài dự án đầu tư nước ngoài với quy mô nhỏ. Giai đoạn từ năm 1990 - 1997, thu hút đầu tư nước ngoài của thành phố đã có bước chuyển biến rõ nét. Thời kỳ này, Hải Phòng được coi là một địa chỉ hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, xếp ở vị trí thứ 5 cả nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đây là thời kỳ hoạt động FDI rất sôi động với nhiều

đối tác đến Hải Phòng tìm kiếm cơ hội đầu tư.

+ Giai đoạn từ 1998 - 2002, do ảnh hưởng trầm trọng của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ nên các dự án FDI đầu tư ở Hải Phòng (đặc biệt là các dự án đến từ các nước trong khu vực Châu Á) hoạt động cầm chừng, thu hẹp quy mô sản xuất, thậm chí có những dự án lớn phải ngừng triển khai. Ngoài ra, về chủ quan, thành phố chưa chuyển đổi kịp thời và chưa có cơ chế, biện pháp khuyến khích thu hút FDI như nhiều địa phương trong cả nước, nên môi trường đầu tư ở Hải Phòng tại thời điểm này chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư. Đây là thời kỳ thu hút FDI của thành phố gặp khó khăn nhất. Chính vì vậy, năm 1998 Hải Phòng chỉ thu hút được 4 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký 8.050.000 USD. Năm 2000 là năm thành phố đạt mức thu hút đầu tư thấp nhất, chỉ thẩm định và cấp giấy phép đầu tư cho 6 dự án với tổng số vốn đăng ký là 6.890.000 USD.

+ Giai đoạn 2003 – 2008, thành phố đã áp dụng nhiều biện pháp xúc tiến đầu tư, quảng bá, tuyên truyền, giới thiệu về môi trường đầu tư tại Hải Phòng với các danh mục kêu gọi đầu tư, các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể trong thu hút đầu tư nước ngoài nên đã đạt được kết quả khả quan so với những năm trước cả về số dự án và tổng vốn đầu tư. Năm 2003, số vốn đầu tư đã tăng 62,5% so với năm 2002. Năm 2008 đã đánh dấu sự tăng trưởng về thu hút đầu tư nước ngoài tại Hải Phòng, tăng 115,7% so với năm 2007 về số vốn. Sau 10 năm kể từ cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á xảy ra, số vốn thu hút năm 2008 đã đạt 426.746.831 USD đạt vượt mức của năm 1998 trên 6.000.000 USD. Năm 2009 là năm khởi sắc trong thu hút FDI của Hải Phòng, tính đến 12/2009 tổng số vốn thu hút trên địa bàn thành phố đạt 1.209.130.200 USD, tăng gấp 4,48 lần so với cùng kỳ năm 2008. Trong số vốn FDI thu hút trên có 31 dự án cấp mới với vốn đầu tư 572.586.669 USD đồng thời có 16 dự án điều chỉnh bổ sung tăng vốn đầu tư với tổng số vốn tăng 636.543.531 USD.[21]

+ Năm 2011, Hải Phòng có 29 dự án cấp mới với tổng vốn đầu tư 960,340 triệu USD, 27 dự án tăng vốn với số vốn tăng 335,528 triệu USD

+ Năm 2012, tổng thu hút FDI (*bao gồm cả giảm vốn*) trên toàn thành phố ước đạt 1.186,27 triệu USD. Trong đó có 39 dự án cấp mới (tăng 25,8% so với

cùng kỳ năm 2011) với số vốn đầu tư đạt 1.119,09 triệu USD (tăng 80,8% so với cùng kỳ năm 2011); 25 dự án điều chỉnh tăng vốn đầu tư (bằng 83,33% so với cùng kỳ năm 2011) với số vốn tăng thêm đạt 114,37 triệu USD (bằng 32,7% so với cùng kỳ năm 2011)

+ Năm 2013, tổng thu hút FDI đạt 2.649,9 triệu USD, bằng 2,06 lần so với cùng kỳ năm 2012. Trong đó: cấp mới 33 dự án với số vốn đầu tư 1.881,9 triệu USD; tăng vốn 768 triệu USD.

+ Năm 2014, tổng thu hút FDI trên toàn thành phố Hải Phòng đạt 1.146,27 triệu USD, đạt 100% kế hoạch đề ra, trong đó: cấp mới 52 dự án với số vốn đầu tư 824,16 triệu USD; tăng vốn 38 dự án với số vốn đầu tư tăng thêm 322,108 triệu USD, đạt 60,47% kế hoạch thu hút FDI năm 2015

+ Năm 2015, tổng thu hút FDI trên toàn thành phố Hải Phòng đạt 967,47 triệu USD, bằng 84,4% so với cùng kỳ năm 2014, trong đó: 55 dự án cấp mới, số vốn đầu tư 699,42 triệu USD, 25 dự án điều chỉnh tăng vốn, số vốn đầu tư tăng thêm 268,05 triệu USD.

- Quy mô các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hải Phòng tăng dần qua các giai đoạn.

+ Giai đoạn 2006 – 2011, quy mô vốn đầu tư trung bình của một dự án ở mức 16,08 triệu USD.

+ Giai đoạn 2011 – 2014: thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là một trong những điểm sáng của nền kinh tế thành phố, với lượng vốn thu hút được hơn 6 tỷ USD, bằng 54,4% tổng số vốn thu hút từ trước tới nay (năm 2012 đạt 1,26 tỷ USD đứng thứ 2 toàn quốc, năm 2013 đạt 2,64 tỷ USD đứng thứ 3 toàn quốc); thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2015 đạt 1,6 tỷ USD.

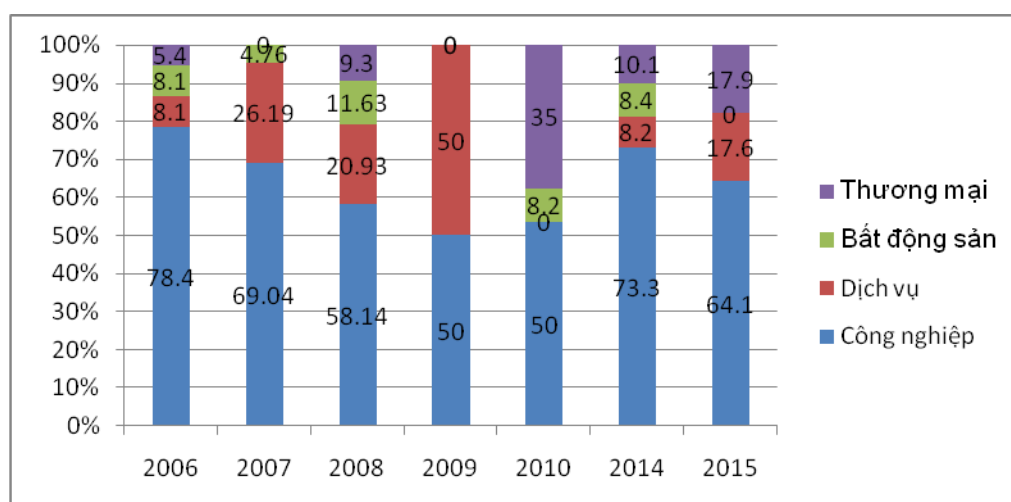
Bảng 2.4: Vốn thực hiện FDI

Năm	Vốn thực hiện FDI (tỷ đồng)	Vốn đầu tư phát triển toàn thành phố (tỷ đồng)	Tỷ lệ %
2009	2.523,0	14.825,9	17,02
2010	3.023,7	20.055,0	15,1
2011	3.865,3	24.800,2	15,6
2012	3824,4	27.039,0	14,1
2013	4.254,0	31.653,6	13,4
2014	4.951,6	35.031,6	14,1
2015	5.690,8	12.360,4	23,4

(Nguồn: Sở Kế hoạch – Đầu tư Hải Phòng)

2.2.2 FDI vào Hải Phòng phân theo lĩnh vực, đối tác và hình thức đầu tư

* Theo lĩnh vực đầu tư:



Hình 2.5: Thu hút FDI theo lĩnh vực đầu tư

(Nguồn: Sở Kế hoạch – Đầu tư Hải Phòng)

- Năm 2006 thu hút FDI ở Hải Phòng chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp với 29 dự án, chiếm 78,4% số dự án, lĩnh vực dịch vụ và bất động sản chiếm tỷ trọng bằng nhau 8,1%. Thương mại 2 dự án, chiếm 5,4%.

- Từ năm 2007 đến năm 2009, vốn FDI trong lĩnh vực công nghiệp giảm xuống bình quân mỗi năm khoảng 10%, trong khi số dự án về dịch vụ lại có xu hướng tăng nhanh đáng kể, năm 2009 tăng 6 lần so với năm 2006.

- Năm 2010 cơ cấu FDI tập trung chủ yếu vào 2 lĩnh vực là công nghiệp

(chiếm 50%) và thương mại chiếm 35% về số dự án và 5,1% về số vốn đầu tư; lĩnh vực bất động sản chiếm tỷ lệ nhỏ 8,2%.

- Năm 2014: lĩnh vực đầu tư về sản xuất công nghiệp chiếm đa số với 22 dự án (73,3%), nhưng lĩnh vực đầu tư về cơ sở hạ tầng lại chiếm ưu thế về vốn đầu tư với số vốn 321 triệu USD của dự án đầu tư Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng. Sau đó là các dự án đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và thương mại - dịch vụ chiếm 26,7%, với số vốn đầu tư lần lượt là 20,6 triệu USD (chiếm 3,36% tổng vốn FDI đăng ký mới năm 2011) và 4,05 triệu USD (chiếm 0,66% tổng vốn FDI đăng ký mới năm 2011)

- Năm 2015: các dự án cấp mới trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp với 64,1% về số dự án và 98,9% về số vốn đầu tư (25 dự án với số vốn đầu tư 1.106,6 triệu USD), cơ bản đáp ứng yêu cầu về chất lượng và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế của thành phố. Các dự án đầu tư trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ chiếm tỷ lệ nhỏ: dự án thương mại chiếm 17,9% về số dự án (07 dự án) và 0,6% về số vốn đầu tư (7,4 triệu USD); dự án dịch vụ chiếm 17,6% về số dự án (07 dự án) và 0,4% về số vốn đầu tư (5,1 triệu USD)

*** Theo đối tác đầu tư:**

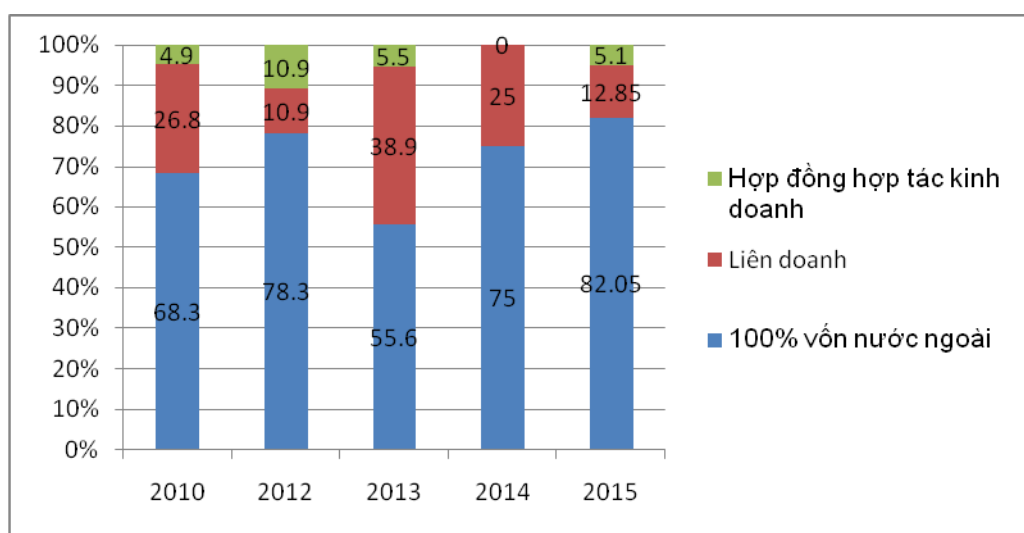
Các nhà đầu tư FDI tại Hải Phòng đến từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau, trong đó đứng đầu về quy mô đầu tư là Nhật Bản (chiếm 37,7% tổng vốn đầu tư), Hàn Quốc (chiếm 26,8% tổng vốn đầu tư). Các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tập trung chủ yếu vào khu công nghiệp, khu kinh tế của thành phố. Các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 85,5% tổng vốn đầu tư. Nhìn chung, nguồn vốn đầu tư chủ yếu vẫn đến từ các quốc gia Châu Á, chiếm 82% số vốn đầu tư và 70% số dự án; tỷ trọng các nguồn vốn đến từ khu vực tiềm năng và phát triển là Tây Âu và Mỹ chưa nhiều, chỉ chiếm 12,3% về số vốn và 28% số dự án.

Hải Phòng cũng khá thành công trong việc thu hút FDI của các tập đoàn xuyên quốc gia hàng đầu thế giới như: GE (Mỹ), Bridgestones, LG, Hyudai, Mibeak (Hàn Quốc), Toyota Gosei, Nomura, Kyocera, Kyocera Mita, Hitachi Zosen (Nhật), Foxcom, Chinfon (Đài Loan), Lion, Semcorp (Singapore)...

Những tập đoàn này không những tạo ra sản phẩm công nghệ cao, mà còn có sức lôi cuốn các nhà đầu tư tiềm năng. [28]

- Năm 2015: có 12 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Hải Phòng. Mỹ là quốc gia dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm 259,4 triệu USD, chiếm 31,61% tổng vốn đầu tư vào Hải Phòng và đứng thứ 9 về số dự án; Hồng Kông đứng vị trí thứ 2 với tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm 235 triệu USD, chiếm 28,64% tổng vốn đầu tư vào Hải Phòng và đứng thứ 2 về số dự án. Nhật Bản đứng vị trí thứ ba với tổng số vốn đầu tư 152,8 triệu USD, chiếm 18,62% tổng vốn đầu tư vào Hải Phòng và đứng thứ 1 về số dự án.

*** Theo hình thức đầu tư:**



Hình 2.6: Thu hút FDI ở Hải Phòng theo hình thức đầu tư

(Nguồn: Sở Kế hoạch – Đầu tư Hải Phòng)

- Năm 2010 hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài chiếm 68,3% về số dự án, hình thức liên doanh chiếm 26,8%, hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm 4,9% số dự án được cấp phép đầu tư.

- Năm 2012 hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài tăng lên 10%, chiếm 78,3% về số dự án và 74,9% về số vốn đầu tư; trong khi hình thức liên doanh giảm 10%, chiếm 10,9% về số dự án và 16,8% về số vốn đầu tư; hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh tăng gấp 2 lần năm 2010, chiếm 10,9% về số dự án và 0,3% về số vốn đầu tư.

- Năm 2013 hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài giảm xuống gần 23% so

với năm 2012; trong khi hình thức liên doanh lại tăng lên 28%, chiếm 38,9% về số dự án và 62,7% về số vốn đầu tư; hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh giảm mạnh xuống còn 5,5% về số dự án và 1,3% về số vốn đầu tư.

- Năm 2014 hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài lại theo xu hướng tăng liên tục, tăng 20% so với năm 2013 và tăng lên khoảng 27% vào năm 2015.

- Năm 2015 trong số các dự án FDI cấp mới, hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài vẫn chiếm đa số, đạt 82,05% về số dự án (32 dự án) và 99,7% về số vốn đầu tư (1.116,88 triệu USD); hình thức liên doanh chiếm 12,85% về số dự án và 0,18% về số vốn đầu tư; hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm 5,1% về số dự án (02 dự án) và 0,02% về số vốn đầu tư (0,26 triệu USD).

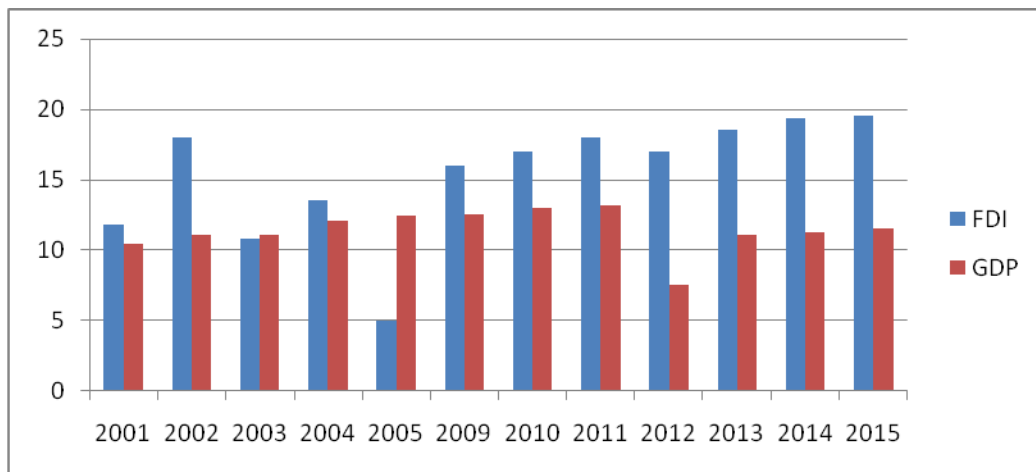
2.2.3. Những đóng góp của FDI vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hải Phòng và những hạn chế

2.2.3.1 Những đóng góp của FDI

- Thứ nhất, nguồn vốn FDI đóng góp đáng kể vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, Hải Phòng đã thu hút có hiệu quả nguồn vốn FDI, góp phần quan trọng vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố. Tốc độ tăng trưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong tăng trưởng GDP của thành phố luôn ở mức cao, trừ năm 2005.

Cụ thể, năm 2001, tốc độ GDP là 10,38%, khu vực vốn FDI là 11,8%; năm 2009: tốc độ tăng trưởng GDP là 12,51%, khu vực có vốn FDI là 16%; năm 2014 tốc độ tăng trưởng GDP là 11,3%, khu vực có vốn FDI là 18,9%. Năm 1997, đóng góp của đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hải Phòng chỉ chiếm 1,6% trong tổng số GDP của thành phố, đến năm 2009 là 16%, năm 2010 đạt 17%, năm 2015 đạt gần 20%. Như vậy, nguồn vốn FDI có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng GDP của thành phố.



Hình 2.7: So sánh tốc độ tăng trưởng FDI với tốc độ tăng trưởng GDP của thành phố

(Nguồn: Sở Kế hoạch – Đầu tư Hải Phòng)

Cơ cấu kinh tế được coi là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu trong quá trình CNH ở nước ta. Tỷ trọng của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong công nghiệp luôn gia tăng, giúp công nghiệp luôn duy trì tốc độ tăng trưởng khá, bình quân năm giai đoạn 2005 – 2011 tăng 15,05%/năm. Nhóm ngành công nghiệp - xây dựng duy trì tốc độ tăng trưởng khá so với bình quân chung cả nước, bình quân 5 năm 2011 - 2015 GDP nhóm ngành này tăng 8,71%/năm. Công nghiệp thành phố đứng thứ 7 về giá trị sản xuất so với cả nước, đứng thứ ba miền Bắc (sau Hà Nội, Bắc Ninh).

Hải Phòng đang trở thành một khâu quan trọng trong chuỗi sản xuất hàng hoá công nghiệp; mối liên kết được thể hiện trong tất cả các ngành sản xuất. Khu kinh tế và các khu công nghiệp đã thu hút được một lượng lớn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài, trong đó đã thu hút một số dự án có vốn đầu tư lớn, công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại của một số tập đoàn, công ty lớn trên thế giới như: LG, Bridgestone, Nipro Pharma, Kyocera Mita, Fuji Xerox... Đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tạo ra nhiều ngành công nghiệp mới và tăng cường năng lực của nhiều ngành công nghiệp như: dầu khí, công nghệ thông tin, hóa chất, ô tô, xe máy, thép, điện tử và điện gia dụng, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, da giày, dệt may... góp phần hình thành và phát triển hệ thống các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao tương đối đồng bộ và hiện đại,

đem lại hiệu quả sử dụng đất cao.

Bảng 2.5: Giá trị sản xuất công nghiệp ở Hải Phòng từ 2005 - 2015

Năm	Giá trị SX CN FDI (triệu đồng)	Giá trị SXCN toàn thành phố (triệu đồng)	Tỷ lệ %
2005	6.937.486	13.054.690	53,1
2006	8.366.725	16.229.866	51,6
2007	10.101.549	21.136.738	47,8
2008	11.429.913	25.295.241	45,2
2009	15.314.184	33.078.765	46,3
2010	21.668.198	48.883.182	44,3
2012	30.617.063	67.410.262	45,4
2013	31.496.671	70.391.980	44,7
2014	42.113.335	83.904.473	50,2
2015	48.534.300	99.634.600	48,7

(Nguồn: Sở Kế hoạch – Đầu tư Hải Phòng)

- Thứ hai, đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước và ngân sách Thành phố

Sự hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Hải Phòng trong thời gian qua đã và đang là nguồn thu quan trọng, đóng góp đáng kể vào ngân sách của nhà nước nói chung và ngân sách của thành phố nói riêng.

Mức đóng góp của nguồn vốn FDI vào ngân sách ngày càng tăng cả về giá trị tuyệt đối và tỷ lệ trong tổng thu ngân sách thành phố. Cụ thể như sau:

+ Năm 2004: nộp ngân sách nhà nước là 771,7 tỷ VNĐ, chiếm 9,7% tổng thu ngân sách.

+ Năm 2005 nộp 850,3 tỷ VNĐ, chiếm 10,6% tổng thu ngân sách.

+ Năm 2007 nộp gần 1000 tỷ VNĐ, chiếm 11% tổng thu ngân sách.

+ Năm 2011 nộp ngân sách đạt 2,124 tỷ VNĐ, tăng 6,4% so với cùng kỳ.[26]

+ Năm 2012, nộp ngân sách của khối FDI ước đạt 96,98 triệu USD, bằng

91,15% so với cùng kỳ năm 2011.

+ Năm 2013: nộp ngân sách đạt 101,21 triệu USD, tăng 4,36% so với cùng kỳ năm 2012.

+ Năm 2014: nộp ngân sách khối FDI đạt 110 triệu USD, tăng 3,77% so với cùng kỳ năm 2013.

+ Năm 2015: nộp ngân sách khối FDI đạt 125,26 triệu USD, tăng 5,12% so với cùng kỳ 2014.

- Thứ ba, cải thiện trình độ công nghệ các ngành kinh tế của thành phố

Đầu tư trực tiếp nước ngoài dưới tác động của môi trường đầu tư đã góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ vào thành phố. Một số ngành kinh tế quan trọng như: viễn thông, thăm dò và khai thác dầu khí, hóa chất, cơ khí chế tạo điện tử, tin học, ô tô, xe máy... như các dự án đầu tư của các tập đoàn hàng đầu thế giới đã tăng số lượng các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao, thúc đẩy mạnh mẽ vào việc đổi mới công nghệ tại nhiều doanh nghiệp thành phố. Việc đổi mới và chuyển giao công nghệ được thực hiện ở hầu hết các doanh nghiệp FDI trong ngành công nghiệp và xây dựng như: công nghệ cáp điện, cáp thông tin của Công ty LG (Hàn Quốc), công nghệ chế tạo tuabin, máy biến thế tại Công ty TNHH GE (Mỹ), công nghệ chính xác tại Công ty Robotech (Nhật Bản), công nghệ hóa dầu tại các nhà máy hóa dầu khu công nghiệp Đình Vũ... Trong lĩnh vực dịch vụ, khách sạn, các khu vui chơi, giải trí, sân golf đều sử dụng trang, thiết bị hiện đại, phương thức quản lý tiên tiến như: Khu du lịch quốc tế Đồ Sơn, Khu vui chơi giải trí và sân golf Sông Giá (Thủy Nguyên)... Nhìn chung, trình độ công nghệ của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cao hơn so với công nghệ trong nước và tương đương các nước trong khu vực. Hầu hết các doanh nghiệp FDI đều áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, hiện đại, đạt hiệu quả cao.

- Thứ tư, đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần quan trọng trong việc tạo việc làm, tăng năng suất lao động.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tạo ra việc làm cho hàng chục ngàn lao động trực tiếp và hàng trăm ngàn lao động gián tiếp khác. Năm 2015, đầu tư trực tiếp

nước ngoài đã giải quyết được 6,1 vạn việc làm, chiếm 13% tổng số lao động của thành phố, tăng nhanh qua các năm, bình quân tăng 32,1%/năm. Mức lương trung bình của người lao động trong các doanh nghiệp FDI là 4,2 triệu VNĐ, cao hơn so với bình quân lương ở các khu vực khác. Tỷ lệ lao động chuyên môn, cán bộ quản lý là người Việt Nam trong các doanh nghiệp FDI cũng khá cao, chiếm khoảng 30%.

Thông qua sự tham gia trực tiếp vào hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tại thành phố đã từng bước hình thành đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật có trình độ cao, có tay nghề, từng bước tiếp cận với khoa học, công nghệ cao, và có tác phong công nghiệp, có kỷ luật lao động, học hỏi được các phương thức, kinh nghiệm quản lý tiên tiến. Hoạt động của các doanh nghiệp FDI tại Hải Phòng đã thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tích cực đổi mới công nghệ, phương thức quản lý để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ trên thị trường trong nước và quốc tế. Cán bộ, nhân viên Việt Nam được các doanh nghiệp nước ngoài bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao tay nghề, dần thay thế các chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm các vị trí quản lý doanh nghiệp, và điều khiển các quy trình, công nghệ hiện đại.

- Thứ năm, tác động lan tỏa của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến sự phát triển của các thành phần kinh tế

Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài không ngừng được nâng cao, thông qua việc số lượng các doanh nghiệp tăng vốn đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất. Đồng thời, có tác động lan tỏa đến các thành phần kinh tế khác thông qua sự liên kết giữa các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước. Sự lan tỏa này có thể theo hàng dọc giữa các doanh nghiệp trong ngành dọc, hoặc theo hàng ngang giữa các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành. Đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm một tỷ trọng cao trong xuất khẩu một số sản phẩm 100% dầu khí, 84% hàng điện tử, máy tính và linh kiện, 42% sản phẩm da giày, 35% hàng may mặc... Thông qua mạng lưới tiêu thụ toàn cầu của các tập đoàn xuyên quốc gia, nhiều sản phẩm

sản xuất tại Việt Nam đã tiếp cận được với thị trường thế giới. Trong lĩnh vực du lịch, các dự án đầu tư nước ngoài đã xây dựng nhiều khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế và các khu du lịch, nghỉ dưỡng hạng sang, đáp ứng nhu cầu khách du lịch quốc tế, góp phần gia tăng nhanh chóng xuất khẩu tại chỗ. Bên cạnh đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài đưa nền kinh tế của Hải Phòng từng bước hội nhập với kinh tế thế giới. Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu, dòng vốn FDI thu hút vào Việt Nam bị ảnh hưởng lớn, thì thu hút vốn FDI vào thành phố Hải Phòng lại có những con số khả quan. Đây là dấu hiệu cho thấy sức hấp dẫn của môi trường đầu tư ở Hải Phòng. Làn sóng FDI đầu tư mới có nhiều dự án có quy mô lớn, công nghệ cao, một số dự án thuộc các tập đoàn lớn, đa quốc gia, vốn đăng ký đầu tư lớn, theo đúng định hướng khuyến khích của thành phố. Các dự án đang thực hiện có số vốn tăng thêm lớn cũng là những dự án quan trọng trên địa bàn thành phố.

2.2.3.2. Những hạn chế của việc thu hút FDI dưới tác động của môi trường đầu tư

- Một là, các dự án FDI mới chỉ tập trung phát triển bản thân nó, chưa góp phần đẩy mạnh công nghiệp phụ trợ

Khi tham gia thực hiện các dự án đầu tư, mục đích cao nhất của các nhà đầu tư là lợi nhuận. Do đó, những lĩnh vực, những ngành, những dự án có tỷ suất lợi nhuận cao, rủi ro thấp thì được các nhà đầu tư quan tâm, còn những lĩnh vực, những dự án mặc dù rất cần thiết cho dân sinh, cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố nhưng lợi nhuận không cao thì không thu hút được FDI.

Bằng chứng cho thấy, công nghiệp phụ trợ ở Hải Phòng còn rất yếu. Các dự án FDI vào Hải Phòng chưa thực sự đẩy mạnh phát triển công nghiệp phụ trợ. Hiện nay, công nghiệp phụ trợ ở Hải Phòng vẫn còn ở trình độ thấp, chỉ mới tham gia vào các chi tiết đơn giản nhất cho các doanh nghiệp FDI. Tuy các doanh nghiệp FDI có doanh thu cao, nhưng thực tế hiện nay tỷ lệ nội địa hóa của các doanh nghiệp này đang còn ở mức thấp. Trong nhiều lĩnh vực có thể xuất khẩu được thì cần phải nhập khẩu đến 70 – 80% nguyên liệu từ nước ngoài. Điều này, một mặt hạn chế tác động lan tỏa tích cực đối với doanh nghiệp trong

nước, mặt khác tăng chi phí kinh doanh của các doanh nghiệp FDI.

- Hai là, các dự án FDI có ảnh hưởng xấu tới môi trường, làm ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp trong tương lai

Các đối tác đầu tư còn sử dụng nhiều thủ đoạn trong kinh doanh, gây ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên. Đây là vấn nạn chung của nước ta. Nguyên nhân là do những sơ hở trong quản lý nhà nước, các văn bản quy định pháp quy, cũng như những yếu kém về chuyên môn của cán bộ quản lý và của đại diện phía Việt Nam trong các doanh nghiệp liên doanh. Tại Hải Phòng, những hạn chế này vẫn đang xảy ra. Trong năm 2015, khi tiến hành thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp FDI, thành phố đã phát hiện nhiều sai phạm như: chậm nộp thuế, thậm chí trốn thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước bằng các thủ đoạn như: chuyển giá, báo lỗ, lách luật, trốn thuế, khấu trừ thuế và hoàn thuế không đúng thực tế, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, và gây sức ép cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp FDI trong các khu công nghiệp chưa làm tốt công tác xử lý nước thải, chất thải, gây ô nhiễm môi trường ...

- Ba là, thu hút FDI chưa có ảnh hưởng tích cực đến phát triển nông nghiệp, làm cơ sở cho phát triển công nghiệp bền vững, chưa tạo ra nhiều việc làm cho khu vực nông thôn

Cơ cấu ngành đầu tư trong khu vực đã phần nào phản ánh việc thực hiện đúng đắn định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng vẫn có sự mất cân đối trong đầu tư, phát triển ngành, lĩnh vực. Số dự án và dòng vốn FDI vào khu vực nông nghiệp đã ít, cơ cấu dự án và nguồn vốn này lại phân bổ mất cân đối. Phần lớn các dự án FDI trong khu vực nông nghiệp đều tập trung vào những địa phương có lợi thế về kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, vùng nguyên liệu và điều kiện về thổ nhưỡng, khí hậu thuận lợi. Chưa thu hút và khai thác được các dự án vào các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế sẵn có của Hải Phòng, chưa chú trọng đến phát triển nông nghiệp để làm cơ sở cho phát triển công nghiệp bền vững. Các dự án chủ yếu tập trung vào các ngành công nghiệp truyền thống, nơi có sẵn các điều kiện về

cơ sở vật chất, kỹ thuật hoặc những nơi có sẵn nguồn nguyên liệu như: sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng, đóng tàu, giấy da, may mặc. Cơ cấu đầu tư bất hợp lý thể hiện rõ: các dự án FDI chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp với 64,1% về số dự án và 98,9% về số vốn đầu tư, các ngành khác chỉ chiếm một phần khá khiêm tốn so với tiềm năng, lợi thế như ngành du lịch, dịch vụ, nông nghiệp, thủy sản (chỉ chiếm khoảng 1,25% tổng vốn FDI). Do đó chưa tạo ra nhiều việc làm cho khu vực nông thôn.

Hơn nữa, so với hoạt động đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực khác, hiệu quả thực hiện các dự án FDI trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp còn rất hạn chế, chưa phát huy đầy đủ tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Ngoài một số dự án sản xuất giống cây, con, chế biến thức ăn gia súc và nông sản, nhìn chung các dự án FDI trong lĩnh vực này triển khai rất chậm.

- Bốn là, thu hút FDI tại Hải Phòng chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của thành phố

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã có những tác động quan trọng phát triển kinh tế ở Hải Phòng. Tuy nhiên, việc thu hút đầu tư nước ngoài thời gian qua chưa nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực tế, các doanh nghiệp nước ngoài hầu như chỉ mới khai thác nguồn lao động chi phí thấp chứ chưa thực hiện nhiều việc chuyển giao kỹ thuật công nghệ cao và đào tạo nhân lực để phát triển công nghiệp nội địa. Một trong những mục tiêu quan trọng trong việc thu hút nguồn vốn FDI vào Hải Phòng là chuyển giao công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý sản xuất từ nước ngoài cho các doanh nghiệp trong nước, nâng cao năng lực và trình độ cho đội ngũ lao động. Các công ty trong nước tuyển dụng từ 10 – 64% lao động có trình độ cao đẳng trở lên, trong khi đó, con số tuyển dụng cùng trình độ tương ứng ở khu vực FDI chỉ ở mức 4 – 10%. Lao động Việt Nam chưa được đảm nhận những vị trí quan trọng, những công đoạn kỹ thuật cao, nên việc học hỏi, tích lũy kinh nghiệm thực tế sản xuất ở các doanh nghiệp FDI của lao động trong nước chưa nhiều. Vì vậy, cần có giải pháp để tăng cường năng lực kỹ thuật cho lao động Việt Nam để tiếp thu công nghệ từ các doanh nghiệp FDI. Một lực lượng lao động có kỹ năng chuyển từ khu vực FDI sang doanh nghiệp nội địa cũng

đang được xem là một kênh quan trọng để tiếp thu công nghệ mới.

Như vậy, với những hạn chế nêu trên, có thể thấy môi trường đầu tư ở Hải Phòng vẫn còn nhiều bất cập. Điều này đã tác động không nhỏ đến việc thu hút FDI vào thành phố trong tương lai. Vì vậy, để tăng cường thu hút FDI vào Hải Phòng, thành phố cần phải cải thiện môi trường đầu tư, đồng thời thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để khắc phục những tồn tại nói trên.

* Nguyên nhân của hạn chế:

- Thứ nhất, chưa có sự nhất trí cao trong quan điểm và nhận thức đối với FDI

Tư duy kinh tế chậm đổi mới, chưa tạo lập được đồng bộ các loại thị trường. Nhận thức chung về đầu tư nước ngoài đều coi là một bộ phận cấu thành hữu cơ của nền kinh tế, được khuyến khích phát triển lâu dài, bình đẳng với các thành phần kinh tế khác. Tuy nhiên, thực tế xử lý các vấn đề cụ thể ở nhiều bộ, ngành và địa phương vẫn còn phân biệt rất khác nhau giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, chưa thực sự coi đầu tư nước ngoài là thành phần kinh tế của Việt Nam. Điều đó thể hiện ngay từ khâu quy hoạch sản phẩm, phân bổ các nguồn lực phát triển kinh tế (lao động, đất đai, vốn...) nhiều lĩnh vực đầu tư nước ngoài chưa được phép tham gia hạn chế. Việc xử lý tranh chấp kinh tế giữa các bên cũng thiên về bảo vệ quyền lợi cho phía Việt Nam. Trong những thời điểm khó khăn, chúng ta tranh thủ vốn đầu tư nước ngoài nhưng khi điều kiện thuận lợi lại có xu hướng không khuyến khích đầu tư nước ngoài mà để trong nước tự làm, những biểu hiện này có tác động tiêu cực, làm nản lòng các nhà đầu tư nước ngoài. Vấn đề quan điểm và nhận thức đối với FDI vẫn chưa được nhất trí cao trong các cơ quan Nhà nước, các cấp chính quyền thành phố. Do hoạt động FDI thường xuyên đụng chạm đến vấn đề chính trị và an ninh quốc phòng, việc xử lý đối với nhiều dự án lớn thường gặp trở ngại do phải bảo đảm các vấn đề nhạy cảm là an ninh chính trị và quốc phòng của đất nước, mà chưa đứng trên lợi ích toàn cục theo phương châm gắn kinh tế với an ninh và quốc phòng, trong đó phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Trong nhiều trường hợp lo sợ sử dụng FDI và thường nhấn mạnh các mặt tiêu cực của FDI trong

phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế dẫn đến những hạn chế trong thu hút và sử dụng hợp lý các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố.

- Thứ hai, thể chế và luật pháp còn nhiều hạn chế.

Thiếu tính minh bạch, nhất quán và sự ổn định của luật pháp, điều này đã tạo ra các kẽ hở cho tệ nạn nhũng nhiễu, lộng quyền, và gây phiền hà của các công chức trong bộ máy nhà nước. Tình trạng không nhất quán và không ổn định của luật pháp kéo theo sự thay đổi khó lường trước đối với các doanh nghiệp, đã làm cho những dự tính ban đầu của họ không thực hiện được trong kinh doanh.

Các văn bản pháp quy từ luật, pháp lệnh cho đến nghị định, thông tư chưa đảm bảo nhất quán về nội dung và thời hiệu thi hành. Nhiều nội dung của luật và pháp luật và pháp lệnh còn dừng lại định hướng chung chung, thiếu tính cụ thể. Sự mâu thuẫn, chông chéo giữa các luật với nhau, giữa luật và pháp lệnh với nghị định và thông tư đã làm cho các đối tượng thi hành gặp nhiều khó khăn, đồng thời cũng là kẽ hở để “lách luật” trong các hoạt động không hợp pháp. Tình trạng phép vua thua lệ làng là hiện tượng khá phổ biến trong một số cơ quan trung ương và chính quyền địa phương. Điều đáng lưu ý là khi phát hiện những vi phạm cụ thể thì không được Chính phủ ra quyết định đình chỉ thi hành văn bản trái luật và có các biện pháp khắc phục hậu quả làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà đầu tư. Việc thực thi pháp luật không nghiêm, những tổ chức và cá nhân vi phạm pháp luật không được xử lý kịp thời bằng hình thức kỷ luật hành chính, hoặc truy tố trước pháp luật nếu có các hành vi nghiêm trọng. Đối chiếu với các cam kết quốc tế đa phương và song phương thì hệ thống luật pháp nước ta chưa đầy đủ, cần phải sửa đổi, bổ sung hoàn thiện sớm.

- Thứ ba, môi trường kinh doanh chưa đủ hấp dẫn

Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, trong những năm qua, môi trường kinh doanh tại Hải Phòng đã được cải thiện, song vấn đề chi phí kinh doanh cao là một trong những nguyên nhân chính hạn chế hoạt động FDI trên địa bàn thành phố. Cụ thể:

+ Kết cấu hạ tầng và hệ thống các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng yêu cầu

Giá điện năng do Chính phủ quy định và có sự khác biệt giữa những người sử dụng và giữa các khu vực. Do điện năng vẫn còn bị hạn chế sử dụng và chịu giá cao với các đơn vị kinh doanh nên nhiều doanh nghiệp đầu tư nước ngoài phải đầu tư bổ sung để nâng cấp việc cung ứng điện (Ví dụ: xây dựng hạ tầng truyền tải hoặc mua máy phát điện). Chi phí điện năng tại Việt Nam cao hơn so với Thái Lan, Indonesia, Philipin và Trung Quốc. Giá điện tại Việt Nam sẽ tiếp tục tăng lên do quá trình sản xuất và phân phối điện không hiệu quả.

Việc một số doanh nghiệp đầu tư nước ngoài phải đầu tư vào hệ thống phát điện riêng hoặc nâng cấp hệ thống truyền tải cho thấy hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự bất ổn về cung cấp điện năng trong giai đoạn 1996 – 2005, khi các nhà máy điện tại Hải Phòng chưa được triển khai xây dựng. Nhiều nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Đình Vũ đã chịu lỗ lớn kéo dài đến nửa năm, do thành phố chậm triển khai cung cấp điện theo như cam kết khi triển khai dự án. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật phát triển không kịp so với yêu cầu phát triển kinh tế, đang tạo ra nút thắt trong tăng trưởng. Hệ thống cảng biển, giao thông đường bộ phục vụ giải tỏa cảng, giao thông đô thị vẫn còn gây ách tắc cục bộ. Công nghiệp phụ trợ và dịch vụ hỗ trợ cho công tác đầu tư nước ngoài chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế về các khía cạnh như chưa cung cấp được nguyên, nhiên, vật liệu, tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm còn thấp, chi phí cao, giá thành sản phẩm cao hơn các nước trong khu vực.

+ Thiếu nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài. Số cơ sở đào tạo của Hải Phòng tăng nhiều, nhưng quy mô chất lượng đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay. Chưa có nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa trong đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao. Sự kết hợp giữa nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp chưa được xây dựng và phát triển đúng mức, dẫn đến tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ”. Số lượng sinh viên, công nhân kỹ thuật, học nghề tuy hàng năm đào tạo khá nhiều, nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu về chất lượng của doanh nghiệp

đầu tư nước ngoài. Kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính yếu kém, không đồng bộ, không đạt hiệu quả cao. Trình độ ngoại ngữ, kiến thức kinh tế đối ngoại, quản trị tài chính, cũng như sự hiểu biết về các doanh nghiệp FDI còn hạn chế.

- Thứ tư, các công đoạn thực hiện quản lý nhà nước đối với FDI còn nhiều bất cập, thể hiện:

+ Hạn chế trong quy hoạch và kế hoạch phát triển khu vực FDI. Công tác này cần được hoạch định, lập kế hoạch 5 năm và hàng năm để xác định nhu cầu vốn FDI, thị trường và đối tác, cơ cấu ngành và vùng lãnh thổ đóng vai trò quan trọng và là khâu đầu tiên để triển khai thực hiện đường lối của Đảng, Nhà nước đối với phát triển FDI, nhưng chưa có tầm nhìn dài hạn và chưa gắn kết các quy hoạch phát triển tổng thể khác như: Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch không gian đô thị. Quy hoạch FDI chưa quan tâm đầy đủ đến kinh tế của từng vùng, lãnh thổ, do vậy chưa có sự liên kết của nhiều tỉnh, thành phố trong một khu vực, làm giảm hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án nói riêng. Quy hoạch và kế hoạch FDI của từng ngành kinh tế kỹ thuật thường chịu tác động về lợi ích cục bộ của các Tổng công ty Nhà nước, Tập đoàn kinh tế nước ngoài, trong đó tình trạng độc quyền và xu thế bảo hộ còn khá rõ rệt, do đó không phù hợp với tự do hóa thương mại và đầu tư quốc tế. Đây là một trong những nguyên nhân làm giảm sút FDI trong một số ngành như: xi măng, sắt, thép, điện lực, bưu chính, viễn thông. Định hướng chiến lược thu hút vốn FDI hướng chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, nhưng sự liên kết, phối hợp giữa các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước còn yếu nên giá trị gia tăng trong một số sản phẩm xuất khẩu (hàng điện tử dân dụng, hàng dệt may...) còn thấp. Nhiều tập đoàn công nghiệp định hướng xuất khẩu đầu tư tại Hải Phòng buộc phải nhập khẩu phần lớn nguyên liệu đầu vào vì thiếu nguồn cung cấp ngay tại Việt Nam.

- Thứ năm, hạn chế trong hoạt động xúc tiến đầu tư

Tại thành phố, các Sở Kế hoạch – Đầu tư và Ban quản lý kinh tế các khu công nghiệp, khu chế xuất, là các cơ quan xúc tiến đầu tư cần có sự phối kết hợp

hoạt động xúc tiến của thành phố với các Bộ, ban, ngành Trung ương và các Sở ngoại vụ, Công thương để tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá, và hỗ trợ đầu tư. Tuy vậy, hoạt động xúc tiến đầu tư chưa trở thành hoạt động chủ yếu của các cơ quan quản lý Nhà nước và còn nhiều nhược điểm, như:

(1) - Các thông tin được trình bày trong các tài liệu về xúc tiến đầu tư nhìn chung chất lượng thấp, không được chi tiết và rõ ràng, nghèo nàn về chất lượng thông tin và hạn chế về ngôn ngữ tiếng Anh trong các thông tin xúc tiến đầu tư...

(2) - Chưa có bộ phận xúc tiến đầu tư riêng, nguồn kinh phí riêng và chuyên viên đủ trình độ để thực hiện xúc tiến đầu tư một cách chuyên nghiệp.

(3) - Các hoạt động xúc tiến đầu tư thường kết hợp với các đoàn đi công tác nước ngoài, hoặc được tổ chức hội thảo tại thành phố do lãnh đạo chính quyền thành phố chủ trì, nhưng chưa trở thành hoạt động thường xuyên do các cơ quan chuyên trách thực hiện. Đôi khi các cuộc hội thảo về xúc tiến đầu tư còn mang nặng tính hình thức, chỉ để tuyên truyền, quảng bá tiềm năng về thế mạnh của địa phương.

- Thứ sáu, thủ tục hành chính còn phức tạp trong các khâu từ thẩm định cấp giấy phép đầu tư, triển khai dự án đầu tư và quản lý dự án FDI.

Mặc dù thủ tục hành chính đã được cải tiến, nhưng thủ tục thẩm định cấp giấy phép đầu tư vẫn còn phức tạp và có những nội dung quy định trong hồ sơ là không cần thiết. Trong nền kinh tế thị trường, việc quyết định các dự án đầu tư trước hết thuộc quyền của nhà đầu tư. Các cơ quan nhà nước cần hướng dẫn để họ thực hiện các dự án theo đúng định hướng chiến lược phát triển và trong khuôn khổ pháp luật. Có được một dự án đầu tư, giấy phép đầu tư không nhất thiết là điều kiện cần và đủ cho việc thực hiện dự án, mà phụ thuộc chủ yếu vào sự biến động của thị trường, tình trạng tài chính của chủ đầu tư, cũng như các điều kiện tín dụng và những điều kiện khác có liên quan.

Quá trình triển khai dự án đầu tư, sau khi đã được cấp giấy phép thì bắt đầu thực hiện nhiều thủ tục hành chính như: cấp phép quyền sử dụng đất, giải tỏa mặt bằng, lập kế hoạch nhập khẩu vật tư thiết bị, cấp phép xây dựng gắn với

một số thủ tục về an toàn, phòng cháy chữa cháy, môi trường. Hạn chế lớn là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư còn chậm, mất nhiều thời gian của các nhà đầu tư. Năng lực hội đồng đền bù cấp huyện còn yếu, thiếu tính kiên quyết trong quá trình triển khai thực hiện, công tác tuyên truyền, vận động để người dân hiểu được lợi ích thiết thực và lâu dài trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện dự án đầu tư chưa được quan tâm đúng mức và hiệu quả chưa cao.

Hạn chế trong công tác quản lý dự án FDI, liên quan đến hoạt động của một số cơ quan như thuế, hải quan, quản lý thị trường, công an kinh tế, thanh tra, kiểm soát. So với thông lệ quốc tế thì các thủ tục hành chính của nước ta còn khá nặng nề, tình trạng tùy tiện của các cơ quan thừa hành như: các chi cục thuế, hải quan ở các cửa khẩu, quản lý thị trường ở địa phương đã làm cho các nhà đầu tư nước ngoài gặp nhiều khó khăn, một số trường hợp gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với họ. Các cơ quan nhà nước chưa phối hợp tốt trong việc thu thập và xử lý thông tin, giám sát hoạt động, hướng dẫn, giúp đỡ các nhà đầu tư khắc phục những khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh. Chất lượng của đội ngũ cán bộ công chức viên còn thấp.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở HẢI PHÒNG

3.1. Phương hướng, mục tiêu hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút FDI ở Hải Phòng

3.1.1 Vài nét về bối cảnh thu hút FDI vào Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng thời gian đến năm 2020

- Hội nhập quốc tế của Việt Nam đã sâu rộng, tự do hóa đầu tư ngày càng cao, do đó cạnh tranh quốc tế trong nước trong lĩnh vực đầu tư ngày càng gay gắt.

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã trở thành xu thế khách quan trong chiến lược phát triển kinh tế của nhiều quốc gia, và nguồn vốn này được coi là một trong những nhân tố quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế phát triển, tăng trưởng hiệu quả. Các quốc gia như Mỹ, Nhật Bản, Đức, Anh và đặc biệt là Trung Quốc là những điển hình về tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài. Nguyên nhân là những quốc gia này đã tạo lập được một môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng theo hướng khuyến khích và ưu đãi cho các nhà đầu tư nước ngoài. Như một xu thế chung hiện nay, tất cả các nước trên thế giới đang cạnh tranh nhau để thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài bằng cách không ngừng cải thiện môi trường đầu tư quốc gia, tạo lập một môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư. Việt Nam cũng không là một ngoại lệ, Việt Nam luôn coi khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của nền kinh tế. Thực tế trong những năm qua, nguồn vốn đầu tư nước ngoài đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế tại Việt Nam. Tuy nhiên, đã có không ít ý kiến lo ngại về tính bền vững trong việc thu hút FDI của Việt Nam. Hiệp hội doanh nghiệp Úc tại Việt Nam cho rằng, nếu Việt Nam không tạo môi trường đầu tư thuận lợi hơn, nguồn vốn FDI vào Việt Nam sẽ giảm và khó cạnh tranh trong việc thu hút đầu

tư với các nước ASEAN khác như Indonesia, Thái Lan, Campuchia và Myanmar...đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế thế giới sau khủng hoảng và suy thoái đã có tín hiệu phục hồi, nhưng chưa rõ nét nên các nhà đầu tư nước ngoài sẽ càng thận trọng hơn khi lựa chọn địa điểm đầu tư.

- Sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu, các nước đang trong quá trình tái cơ cấu lại nền kinh tế, Việt Nam cũng đang trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế theo mô hình tăng trưởng mới. Trong bối cảnh thu hút FDI vào Việt Nam đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức, Hải Phòng nhận thức rõ tầm quan trọng và ảnh hưởng của môi trường đầu tư tới thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài gắn với tăng trưởng kinh tế của thành phố. Một môi trường đầu tư thuận lợi sẽ thúc đẩy đầu tư có hiệu quả, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, giảm giá thành sản phẩm vì lợi ích người tiêu dùng. Chính vì vậy mà chủ trương của Đảng, Nhà nước, cũng như của thành phố là tập trung cải thiện môi trường đầu tư, tạo một môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Hải Phòng là thành phố trực thuộc Trung ương, đô thị loại 1, là trung tâm công nghiệp, thương mại, đầu mối giao thông quan trọng trong giao lưu trong nước và quốc tế, là mắt xích quan trọng trong hợp tác phát triển kinh tế khu vực phía bắc. Việc tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại Hải Phòng luôn nhận được sự quan tâm của Chính phủ và lãnh đạo thành phố. Hệ thống đường bộ huyết mạch đã và đang được xây dựng hiện đại, hạ tầng giao thông đường biển, đường sắt, hàng không đang được tích cực xây mới và cải tạo nâng cấp. Hải Phòng đã quy hoạch 33 khu công nghiệp tập trung. Đặc biệt thành phố đã được Chính phủ cho phép xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng thành cảng trung chuyển container quốc tế khu vực miền bắc. Đây sẽ là sự đột phá lớn trong phát triển kinh tế địa phương. Hải Phòng đặc biệt quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế xã hội, trong đó tập trung hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, đặc biệt là khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải. Kết nối các khu, cụm công nghiệp theo các chuỗi sản xuất, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tới chân hàng rào các khu, cụm công nghiệp. Thành phố sẽ xây dựng các giải pháp tổng thể, lâu

dài, nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện môi trường đầu tư – kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để huy động các nguồn vốn đầu tư.

3.1.2 Phương hướng hoàn thiện môi trường đầu tư và thu hút FDI vào Hải Phòng

3.1.2.1 Mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng đến năm 2020

Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIV dự kiến một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng đến năm 2020 có tốc độ tăng trưởng GDP đạt từ 10% - 11%, thu nhập bình quân đầu người đạt 5.000USD/năm, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 5 tỷ USD vào năm 2020.

Bảng 3.1: Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng đến năm 2020

Chỉ tiêu	Đ.v. tính	2010	2015	2020
Tỷ trọng GDP so với cả nước	%	4,3	5-6	7-8
Tăng trưởng GDP bình quân	%	11,5	13,5	10-11
GDP bình quân đầu người	USD	1800	3000	5000
Tốc độ tăng trưởng kim ngạch XK	%	23-24	19	20-22
Cơ cấu kinh tế :				
+ Công nghiệp, xây dựng	%	40	37	34-36
+ Nông nghiệp	%	8,54	5	3-4
+ Dịch vụ	%	51	58	62
Tỷ trọng dân số đô thị	%	39,4	42,5	48,8
Tổng vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	90.000	180.000	200.000
Thu ngân sách trên địa bàn	%	7-9	10	10-11
Tổng lượng hàng qua cảng (cả năm)	Triệu tấn	35	55-56	50-58
Dân số toàn thành phố	Triệu người	1,978	2400	
Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1	1	
Lao động trong các ngành kinh tế	Ngàn LĐ	1030	1135	1140

(Nguồn: Sở Kế hoạch – Đầu tư Hải Phòng)

Để đạt được những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nêu trên, Hải Phòng cần khai thác nhiều nguồn lực, trong đó có vốn đầu tư trong nước và nước ngoài.

Bảng 3.2: Dự báo nhu cầu vốn của Hải Phòng giai đoạn 2016- 2020

(Đơn vị tính: tỷ VNĐ)

Chỉ tiêu	2016 - 2020
Tổng nhu cầu vốn đầu tư	520.000
Vốn ngân sách	156.000
Vốn của doanh nghiệp trong nước	210.000
Vốn vay tín dụng	50.000
Vốn FDI	104.000

(Nguồn: Sở Kế hoạch – Đầu tư Hải Phòng)

Giai đoạn 2016 – 2020, để đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội, thành phố cần thu hút khoảng 520 nghìn tỷ đồng, tương đương 26 tỷ USD, trong đó nguồn vốn FDI sẽ là 104 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 20% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

3.1.2.2 Phương hướng thu hút FDI ở Hải Phòng

+ Về quy mô phát triển: nhu cầu và khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài đến năm 2020 của Hải Phòng là rất lớn. Chính vì vậy, lãnh đạo thành phố chủ trương khai thác tối đa mọi nguồn lực trong và ngoài nước, nhằm gia tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội, không tự giới hạn những tính toán từ dự báo mà tùy thuộc tình hình biến động của thế giới và trong nước, thành phố sẽ tranh thủ mọi cơ hội thu hút ngày càng nhiều vốn FDI để Hải Phòng có thể phát triển nhanh và bền vững.

+ Về cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực: để ưu tiên lựa chọn các ngành, lĩnh vực thu hút FDI theo các mục tiêu nêu trên, một mặt cần khuyến khích mạnh mẽ các doanh nghiệp FDI đầu tư vào các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, mặt khác chú trọng ưu tiên thu hút FDI vào các lĩnh vực công nghệ cao, sử dụng máy móc thiết bị hiện đại, như các ngành hóa dầu, chế tạo, sản xuất linh kiện điện tử, cơ khí chế tạo, bưu chính viễn thông.

+ *Định hướng về thị trường và đối tác*: Các đối tác chiến lược của Hải Phòng chủ yếu đến từ các nước khu vực Châu Á, các nước công nghiệp phát triển, trong đó có G7. Theo báo cáo của Sở Kế hoạch – Đầu tư thành phố, Nhật Bản vẫn là nhà đầu tư lớn nhất tại Hải Phòng, do đó trong giai đoạn tới cần tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp Nhật bản hoạt động hiệu quả. Bên cạnh đó, thành phố cần tập trung thu hút vốn FDI của các công ty đa quốc gia, các tập đoàn kinh tế từ các nước có nền công nghiệp phát triển ở Mỹ, Canada, và Tây Âu nhằm phát triển khu vực kinh tế FDI lên tầm cao mới, để thúc đẩy các thành phần kinh tế khác phát triển.

3.1.2.3 Phương hướng cải thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút FDI

- Thứ nhất, duy trì tình hình ổn định chính trị - xã hội, tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội ... trên cơ sở triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh xóa bỏ các “điểm nóng” gây mất ổn định chính trị - xã hội, tấn công trấn áp tội phạm và các tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm), đảm bảo an ninh, sinh mạng cho các nhà đầu tư nước ngoài và dân cư nói chung.

- Thứ hai, hoàn thiện quy hoạch và kế hoạch thu hút FDI vào Hải Phòng với phương châm gắn kinh tế với an ninh, quốc phòng, coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời nâng cao năng lực quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp của các Ban quản lý đầu tư tại các khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, khu công nghiệp Nomura – Hải Phòng, khu công nghiệp Đồ Sơn, Đình Vũ, VSIP.

- Thứ ba, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài.

- Thứ tư, phát triển công nghiệp hỗ trợ và tăng cường bảo vệ môi trường.

- Thứ năm, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật và xã hội, đặc biệt là hệ thống giao thông vận tải, cung cấp năng lượng, cấp thoát nước...

3.2. Các giải pháp hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút FDI ở Hải Phòng

3.2.1 Thay đổi cách tư duy và tiếp cận FDI

Thành phố cần chủ động lựa chọn các dự án đầu tư chứ không theo ý của các nhà đầu tư, lựa chọn các dự án dài hạn. Khắc phục tâm lý nóng vội, thích đầu tư phát triển nhanh, bệnh thành tích, dự án nào cũng chấp nhận, xấu, tốt cũng chấp nhận.

Một trong những vấn đề quan trọng để thu hút đầu tư nước ngoài đạt hiệu quả cao là tạo chuyển biến mạnh về thu hút đầu tư theo hướng chọn lọc các dự án có chất lượng, có giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, tăng cường sự liên kết với các doanh nghiệp trong nước, phù hợp với quy hoạch và định hướng tái cấu trúc nền kinh tế. Lãnh đạo thành phố Hải Phòng đã xác định rõ mục tiêu thu hút FDI theo hướng có chọn lọc, không thiên về số lượng mà chú trọng đến chất lượng của các dự án. Trong đó, ưu tiên thu hút các dự án FDI công nghệ hiện đại, hàm lượng chất xám cao, sản phẩm sạch và thân thiện với môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, giá trị gia tăng cao, đóng góp ngân sách cao. Không tiếp nhận mới các dự án có ảnh hưởng đến môi trường, sử dụng diện tích lớn, công nghệ lạc hậu, đóng góp ngân sách thấp. Đồng thời, chú trọng thu hút các dự án trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, giáo dục - đào tạo, du lịch - dịch vụ, y tế.

Tiếp tục phối hợp cùng các Bộ, ngành, các cơ quan nghiên cứu của Nhật Bản để sớm có thể triển khai khu công nghiệp chuyên sâu nhằm đón làn sóng đầu tư của các doanh nghiệp đến từ Nhật Bản trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ.

3.2.2. Hoàn thiện quy hoạch và kế hoạch thu hút FDI, đồng thời rà soát lại các dự án, tình hình hoạt động của các dự án trên địa bàn

Nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của Hải Phòng là phải xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài giai đoạn 2016 – 2020. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quy hoạch từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt đến quản lý quy hoạch, hoàn thiện, nâng cao hiệu quả chế độ phân cấp quản lý đầu tư nước ngoài, bao gồm việc phân cấp Giấy chứng nhận đầu tư, quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài và phân cấp quản lý một số lĩnh vực (môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản, công nghệ, thương mại, giáo dục đào tạo

và y tế) theo hướng phân cấp nhưng phải đảm bảo quản lý chặt chẽ, hiệu quả, gắn với thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát.

Bên cạnh đó, tiếp tục rà soát luật pháp, chính sách để sửa đổi hoặc loại bỏ các điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư không phù hợp với cam kết của Việt Nam với WTO và có giải pháp đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư liên quan. Ban hành các ưu đãi khuyến khích đầu tư đối với các dự án xây dựng các công trình phúc lợi (nhà ở, bệnh viện, trường học, công trình văn hóa, thể thao) cho người lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, đảm bảo sự tương thích với các luật pháp hiện hành.

Nghiên cứu đề xuất chính sách vận động, thu hút đầu tư đối với các tập đoàn đa quốc gia cũng như có các chính sách riêng đối với từng tập đoàn, và mỗi nước thành viên EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản... Trên cơ sở nhận thức về tiềm năng, lợi thế và những hạn chế trong thu hút FDI, ngoài những cơ chế, chính sách chung của Chính phủ, trong thời gian tới Hải Phòng cần tập trung hoàn thiện và thực hiện các cơ chế, chính sách sau:

Chính sách đất đai đối với phát triển khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Cải thiện chất lượng đất đai để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thành phố cần hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, lần quy hoạch phát triển không gian đô thị, quy hoạch thu hút đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực và có trọng tâm. Hải Phòng sẽ tập trung cao cho công tác xây dựng, phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu vực từ xã, phường, thị trấn nhằm công khai những địa điểm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đồng thời cải cách thủ tục hành chính và rút ngắn quá trình giao đất, đền bù, giải phóng mặt bằng với chi phí thấp, tạo điều kiện cho nhà đầu tư tiếp cận với diện tích đất cần thiết trong thời gian sớm nhất. Công bố công khai và minh bạch quy hoạch đất của các khu vực, các địa phương để các nhà đầu tư khảo sát, cạnh tranh bình đẳng.

Ngoài ra, một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến việc triển khai nhiều dự án đầu tư chậm là do công tác bồi thường giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc, chậm tháo gỡ, di chuyển và khâu bồi thường, tái định cư khi thu hồi đất còn nhiều điểm chưa hợp lý. Do vậy, cần phối kết hợp chặt chẽ

giữa Chính quyền thành phố, nhà đầu tư và người dân đảm bảo giải quyết hài hòa lợi ích ba bên.

Giải pháp về quy hoạch và chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài

Tiến hành tổng rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và công bố các quy hoạch về kết cấu hạ tầng đến năm 2020 làm cơ sở thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Tăng cường công tác quy hoạch, thực thi các quy hoạch cũng như thu hút đầu tư nước ngoài vào các công trình giao thông, năng lượng. Triển khai các quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, sử dụng đất... theo những nội dung của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Để đảm bảo quy hoạch có chất lượng và có tính khả thi cao, thành phố cần khảo sát, đánh giá thực trạng, kết hợp với công tác dự báo về dân số, thu nhập, thị trường. Gắn quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội với quy hoạch đất đai, quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, quy hoạch các khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghiệp... Mở rộng hình thức cho thuê cảng biển, đặc biệt là dịch vụ hậu cần (logistic) để tăng cường năng lực cạnh tranh của hệ thống cảng biển, kêu gọi vốn đầu tư hệ thống cảng Lạch Huyện, Đồ Sơn, Đình Vũ...

Tập trung thu hút vốn đầu tư vào một số dự án thuộc lĩnh vực bưu chính, viễn thông, và công nghệ thông tin để phát triển các dịch vụ mới và phát triển hạ tầng mạng.

3.2.3 Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư về thông tin cụ thể của các dự án đầu tư

Sự cạnh tranh để thu hút FDI sẽ trở nên gay gắt hơn, nhất là trong thời kỳ vốn FDI của thế giới sụt giảm. Vì vậy, quốc gia nào, địa phương nào làm tốt công tác xúc tiến đầu tư thì sẽ không bị ảnh hưởng lớn đến việc thu hút FDI. Cần xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, và xúc tiến du lịch các cấp, bao gồm cả trong nước lẫn đại diện Việt Nam ở nước ngoài nhằm tạo ra sự đồng bộ và phối hợp nâng cao hiệu quả giữa các hoạt động này.

Xác định rõ quản lý nhà nước đối với FDI phải đặt trọng tâm vào hoạt

động xúc tiến đầu tư. Sự chuyển biến về nhận thức đó được thể hiện thông qua việc thường xuyên sửa đổi, bổ sung chính sách theo hướng khuyến khích đầu tư, đồng thời bằng nhiều phương thức khác nhau để cung cấp thông tin, tuyên truyền, quảng bá về thành phố với các nhà đầu tư nước ngoài thông qua các phương tiện như: các website của UBND thành phố và các sở, ban, ngành, sách, đĩa DVD, CD bằng nhiều tiếng nước ngoài.

Nội dung của xúc tiến đầu tư phải bao gồm các giải pháp tiếp thị tổng hợp về chiến lược, định hướng đầu tư, các quy hoạch, giá phí và các ưu đãi đầu tư. Hoạt động xúc tiến đầu tư cần làm nổi bật các lợi thế so sánh của Hải Phòng, đồng thời cũng nêu ra các bất lợi và các giải pháp để khắc phục những bất lợi đó, giúp cho các nhà đầu tư nhận biết đúng cơ hội và những lợi ích họ sẽ thu được. Do vậy, cần hình thành Chiến lược xúc tiến đầu tư nhằm tiến hành các hoạt động xúc tiến để nâng cao chất lượng hoạt động FDI tại thành phố. Trong chiến lược đó cần phải xây dựng hình ảnh và môi trường đầu tư để quảng bá rộng rãi ở các nước trong khu vực và trên thế giới, sử dụng các phương tiện khác nhau như hội thảo, tiếp thị, tiếp cận các nhà đầu tư lớn, thôn qua mạng Internet, hình thành các tổ chức xúc tiến đầu tư chuyên nghiệp để thực hiện chiến lược đó.

Thực thi phương thức xúc tiến đầu tư có hiệu quả nhất là tạo môi trường thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư đang thực hiện dự án FDI ở thành phố, khi gặp khó khăn trong việc triển khai dự án thì các cơ quan nhà nước tìm cách giúp đỡ họ khắc phục, để đảm bảo kinh doanh thuận lợi và có hiệu quả. Tác dụng lan tỏa của các nhà đầu tư đang hoạt động đối với các nhà đầu tư tiềm năng lớn hơn nhiều so với bất kỳ cuộc vận động đầu tư nào. Trên cơ sở đó, các cơ quan quản lý nhà nước đối với FDI cần chuyên hướng hoạt động của mình vào công tác trọng tâm là hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện đúng pháp luật và giúp đỡ họ giải quyết các vướng mắc trong kinh doanh.

Hải Phòng cần xây dựng quan hệ thân thiện với các nhà đầu tư hiện có: đảm bảo môi trường an ninh tốt và tạo lòng tin đối với cộng đồng doanh nghiệp và các nhà đầu tư bằng cách định kỳ tổ chức gặp mặt giữa lãnh đạo thành phố và các nhà

đầu tư để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, đồng thời tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc. Thiết lập đường dây nóng và đặt hòm thư góp ý kiến tại trụ sở các cơ quan công quyền. Kiên quyết bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của các doanh nghiệp khi đầu tư vào địa bàn. Kịp thời biểu dương những doanh nghiệp sớm triển khai dự án và đảm bảo thực hiện đúng tiến độ cam kết. Có thể có hình thức khen thưởng đối với những doanh nghiệp có tiến độ thực hiện dự án nhanh hơn so với cam kết. Nâng cao hình thức thi đua khen thưởng một số doanh nghiệp có thành tích xuất sắc đầu tư với vốn lớn đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, đóng góp nhiều cho ngân sách.

Hải Phòng đã tiến hành thành lập các đơn vị, tổ chức nhằm thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch như: Ban Hội nhập kinh tế quốc tế, các Trung tâm xúc tiến đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm xúc tiến Thương mại của Sở Công thương và Trung tâm Thông tin và phát triển đối ngoại của Sở Ngoại vụ, Trung tâm xúc tiến du lịch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...

Chủ động xây dựng chương trình xúc tiến hàng năm, tiến hành hoạt động xúc tiến đầu tư tại các nước có tiềm năng lớn, các đối tác chiến lược của Việt Nam như: Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và một số nước Asean. Thành phố thường xuyên kết hợp với các Bộ, ngành Trung ương và thông qua các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam để triển khai các hoạt động xúc tiến tại nước ngoài. Thành phố tổ chức các buổi gặp mặt lãnh đạo thành phố, các sở ngành liên quan đến thu hút đầu tư nước ngoài với các Đại sứ và Tham tán thương mại Việt Nam tại các nước trước khi sang nhận nhiệm vụ để trao đổi thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hải Phòng.

Trên thực tế, nhằm tạo thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài trong việc tiếp cận, nắm bắt các chính sách pháp luật và các thủ tục hành chính về đầu tư, thành phố Hải Phòng đã biên soạn cuốn tài liệu hướng dẫn một số thủ tục hành chính cơ bản có liên quan để gửi tới các nhà đầu tư đến tìm hiểu môi trường đầu tư của

thành phố. Bên cạnh đó, công thông tin điện tử doanh nghiệp của thành phố đã đi vào hoạt động, để doanh nghiệp có thể đăng ký kinh doanh trực tuyến và tra cứu cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp tại Hải Phòng. Cùng với cải cách hành chính được triển khai khá quyết liệt, Hải Phòng đang hướng tới việc xây dựng "chính phủ điện tử", điều hành qua mạng, phát triển thương mại điện tử, phát huy vai trò của công thông tin điện tử...

3.2.4 Hoàn thiện chính sách đầu tư, đặc biệt là chính sách ưu đãi đầu tư cho các dự án công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, đóng góp vào bảo vệ môi trường, tạo nhiều việc làm

Theo đó, các dự án đầu tư nước ngoài vào thành phố sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi như sau:

- Miễn 100% tiền thuê đất đối với các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng dùng chung của Khu công nghệ cao; các dự án xây dựng khu đào tạo, khu nghiên cứu - phát triển và ứng dụng công nghệ cao, khu ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

- Miễn 100% tiền thuê đất đối với các dự án xây dựng nhà ở trong Khu công nghệ cao.

- Miễn tiền thuê đất từ 03-11 năm đối với các dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề ưu đãi và đặc biệt ưu đãi đầu tư.

- Hỗ trợ 100% tiền sử dụng hạ tầng trong 02 năm đầu kể từ ngày nhận giao đất và hỗ trợ 50% trong 03 năm tiếp theo (đối với một số dự án thuộc danh mục kêu gọi đầu tư).

- Giá thuê đất từ 5.250–10.500 đồng/m²/năm (*tương đương 0,25-0,5 USD/m²/năm*) với các phương thức trả linh hoạt.

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm. Trong đó, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Đặc biệt, thành phố có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực sản xuất các ngành công nghiệp phụ trợ, với sự hỗ trợ đặc biệt về vốn, và những ưu đãi đặc biệt về thuế (miễn thuế nhập khẩu thiết bị

và công nghệ, miễn thuế doanh thu, v.v.). Đưa ra chính sách ưu đãi đặc biệt và chỉ áp dụng có thời hạn (chẳng hạn trong 3-4 năm).

3.2.5 Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và nâng cao năng lực, trách nhiệm của cán bộ quản lý trong thu hút FDI

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài, đặc biệt là việc thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật chuyên ngành đối với các dự án đầu tư nước ngoài có quy mô lớn, sử dụng nhiều đất, các dự án khai thác tài nguyên, khoáng sản, kinh doanh bất động sản, sử dụng nhiều năng lượng, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ...

Công tác cấp phép đầu tư: các cơ quan cấp phép xem xét, thẩm định kỹ, chuyên sâu để hạn chế các dự án kém hiệu quả và các nhà đầu tư thiếu năng lực.

Về quản lý sau cấp phép: chủ động kiểm tra tình hình triển khai thực hiện dự án để nắm bắt tình hình thực tế, khó khăn vướng mắc của Doanh nghiệp từ đó đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp. Trong thời gian tới, quản lý FDI sẽ chú trọng và tăng cường theo hướng: (1) nâng cao chất lượng, hiệu quả vốn FDI; (2) nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước; (3) hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về FDI. Việc thu hút FDI sẽ không đặt nặng về lượng vốn đăng ký mà tập trung vào thúc đẩy giải ngân FDI. Thu hút FDI phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2015 – 2020. Đồng thời thu hút FDI có chọn lọc, định hướng vào những lĩnh vực cơ sở hạ tầng, công nghiệp “xanh”, thân thiện với môi trường; lĩnh vực tạo liên kết với các khu vực kinh tế khác và liên kết vùng; công nghiệp hỗ trợ, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh; lĩnh vực công nghệ cao; đào tạo nguồn nhân lực ...

Một trong những nguyên nhân cản trở sự phát triển của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là sự nhận thức sai lệch về vai trò của vốn FDI, sự phân biệt khu vực kinh tế có vốn FDI với các khu vực kinh tế khác của một số cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước ở các cấp từ cơ sở đến thành phố. Nguyên nhân cơ bản là do năng lực còn nhiều hạn chế, kiến thức về kinh tế đối ngoại, hội

nhập quốc tế và ngoại ngữ chưa được bồi dưỡng nâng cao để đáp ứng yêu cầu công việc, dẫn đến tình trạng quan liêu, nhũng nhiễu, gây phiền hà và làm phức tạp hóa thủ tục triển khai các dự án đầu tư nước ngoài.

Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về FDI, cán bộ, nhân viên cần nâng cao năng lực chuyên môn về tin học, ngoại ngữ và nghiệp vụ. Thành phố đã chủ động xây dựng và triển khai chương trình đào tạo cán bộ theo Đề án 100 về đào tạo 100 thạc sỹ và tiến sỹ nước ngoài giai đoạn 2010 – 2015; Đề án 165 của Chính Phủ; các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về hội nhập quốc tế, luật pháp thương mại quốc tế, các chương trình tập huấn kỹ năng đối ngoại.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu các nhà đầu tư. Các cấp ủy Đảng, chính quyền cần nhận thức rõ và xác định đào tạo, phát triển nhân lực vừa là chiến lược lâu dài, vừa là biện pháp trước mắt đảm bảo đủ nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của thành phố và góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển của cả nước.

Thực tiễn gần 25 năm phát triển của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cho thấy, nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định đến việc thu hút đầu tư và tăng trưởng kinh tế. Xây dựng cơ sở của nền kinh tế trí thức, nâng cao chất lượng, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn nhân lực là nhân tố quan trọng cho sự phát triển của Hải Phòng trong tương lai.

Để tăng cường chất lượng nguồn nhân lực ở thành phố, trong thời gian tới cần tập trung tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 11/4/2008 của Ban Thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 04/2008/NQ-HĐND ngày 22/4/2008 của Hội đồng nhân dân thành phố về một số chủ trương, giải pháp chủ yếu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và CNH, HĐH thành phố Hải Phòng định hướng đến năm 2020... Cụ thể cần thực hiện các công việc sau: i) Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực, từ việc chú trọng đào tạo tại các cấp từ tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học đến trung cấp nghề, cao đẳng, đại học và sau đại học một cách đồng bộ, có hệ thống. Nâng cao đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất kỹ thuật dạy học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, coi trọng dạy kiến thức ngoại ngữ, tin học cho

học sinh. ii) Đẩy mạnh việc đào tạo lao động có trình độ kỹ thuật cao, có khả năng tiếp cận công nghệ mới, công nghệ hiện đại của thế giới, chuyên gia phát triển phần mềm, ứng dụng công nghệ cao. iii) Chú trọng đào tạo đội ngũ lao động quản lý giỏi, chuyên môn nghiệp vụ vững, sử dụng tốt ngoại ngữ đáp ứng các yêu cầu của doanh nghiệp FDI và yêu cầu quản lý nhà nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. iv) Đẩy mạnh đào tạo và đào tạo bổ sung thông qua việc phát triển các trường đại học trên địa bàn thành phố như: Đại học Y Hải Phòng, Đại học Hải Phòng, Đại học Hàng Hải, Đại học dân lập Hải Phòng. v) Sửa đổi, bổ sung chính sách thu hút nhân tài; có cơ chế phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo nhân tài; khuyến khích phát huy tài năng, đặc biệt là tài năng của lớp trẻ.

Để tạo động lực nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, thành phố xây dựng bộ tiêu chuẩn cán bộ làm trong lĩnh vực đối ngoại, điều hành quản lý các dự án FDI đảm bảo có đủ năng lực, chuyên môn tốt, đạo đức, lối sống phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Qua đó có những chính sách đãi ngộ, thưởng, phạt rõ ràng, hợp lý để thu hút được nhiều cán bộ có năng lực, chuyên môn giỏi cho bộ máy quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm trong quản lý và triển khai các dự án đầu tư nước ngoài được thành phố đặc biệt chú trọng, nhất là trong lĩnh vực đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, thu hồi đất, đấu thầu cung cấp thiết bị dự án đầu tư ...

3.2.6 Giải quyết một số tồn tại liên quan đến kết cấu hạ tầng, vấn đề chuyển giá và ô nhiễm môi trường

- Kết cấu hạ tầng

Để khắc phục những yếu kém về kết cấu hạ tầng, thành phố cần tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội như: hạ tầng cảng, hệ thống giao thông, sân bay, bệnh viện, trường học, khách sạn, khu vui chơi đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm tăng tính tiện ích cho nhà đầu tư trong triển khai dự án cũng như quá trình làm việc, sinh sống tại Hải Phòng .

Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện một số công trình trọng điểm nhằm nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, cải thiện môi trường

đầu tư kinh doanh, như: Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng tại Lạch Huyện, xây dựng mới đường bay và nâng cấp sân bay Cát Bi, Bệnh viện đa khoa Hải Phòng (Bệnh viện Việt Tiệp cơ sở II), hệ thống giao thông đô thị, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường thành phố...

- Vấn đề chuyển giá

Trong thời gian tới, thành phố cần tập trung nâng cao hiệu quả quản lý dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (chuyển vốn vào Việt Nam, vay, trả nợ nước ngoài, vay các tổ chức tín dụng trong nước của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm hạn chế và ngăn chặn tình trạng chuyển giá, nợ thuế của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ... Chú trọng xem xét, đánh giá lợi ích kinh tế - xã hội của dự án, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ, môi trường sinh thái, phát triển nguồn nhân lực, tác động đến cộng đồng dân cư.

- Vấn đề ô nhiễm môi trường

Việc xây dựng và phát triển nhanh, nhiều các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế để thu hút FDI ở Hải Phòng đã có những tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, môi trường sống của người dân. Chính vì vậy, thành phố cần giải quyết hài hòa giữa mục tiêu thu hút FDI để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Đó đó, thành phố cần nâng cao chất lượng thẩm định các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài về các yếu tố bảo vệ môi trường như: công trình xử lý chất thải, khí thải, nước thải và các chất thải nguy hại của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài.

3.2.7 Nâng cao chỉ số PCI nhằm cải thiện môi trường đầu tư

Lãnh đạo thành phố rất coi trọng việc cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao vị trí của Hải Phòng trong bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI. Hải Phòng coi đó là một quyết tâm chính trị trong thực hiện các nhiệm vụ từ nay đến 2020. Chính vì vậy, các Sở, Ngành, đơn vị cần triển khai quyết liệt các biện pháp để nâng cao các chỉ số thành phần còn thấp trong PCI, đáp ứng kỳ vọng của các nhà đầu tư, duy trì và phát huy những chỉ số thành phần có thứ hạng cao. Đây là nhiệm vụ đòi hỏi sự nỗ lực, cố gắng, quyết tâm của cả hệ thống chính trị cùng

với các Sở, Ban, Ngành có liên quan.

Trước mắt, cần tập trung vào các chỉ số yếu kém của địa phương, đó là: chi phí thời gian, chi phí không chính thức và tính năng động của chính quyền tỉnh... Để giảm chi phí thời gian, thành phố đã tiến hành rà soát, đẩy mạnh cải cách hành chính theo cơ chế một cửa liên thông, nhằm giảm bớt thủ tục giấy tờ, tránh chồng chéo, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Để giảm chi phí không chính thức, thành phố thường xuyên luân chuyển cán bộ để bảo đảm tính cạnh tranh, tạo động lực phấn đấu trong mỗi cá nhân cán bộ, công chức. Để nâng cao tính năng động của chính quyền thành phố, Hải Phòng phân cấp mạnh về cơ sở, tập trung vào lĩnh vực quản lý và điều hành kinh tế. Thường xuyên gặp gỡ, đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp để nắm bắt và tháo gỡ nhanh những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Để cải thiện chỉ số PCI không chỉ có các Sở, Ban, Ngành, địa phương, các tổ chức chính trị – xã hội, mà cần có sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài trên địa bàn. Về phía các doanh nghiệp cũng cần phải chủ động nâng cao trình độ lao động, cải tiến khoa học công nghệ, phương thức sản xuất để phù hợp với tình hình mới.

Cùng với đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần rà soát, đối chiếu mức độ đạt được trong việc nâng cao chỉ số PCI, để qua đó xây dựng các giải pháp cải thiện. Thành phố cũng sẽ rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý Nhà nước; tiếp tục nâng cấp cổng thông tin điện tử của thành phố, nâng cao hiệu quả hoạt động Website của các sở, ban, ngành để cung cấp thông tin cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, cần tăng cường nâng cao nhận thức về vai trò của PCI, hiểu mục tiêu chính của PCI là nhiệt kế đo cảm nhận của doanh nghiệp đối với sự thân thiện của công chức và các cấp chính quyền địa phương trong cách ứng xử với doanh nghiệp, cách giải quyết các thủ tục hành chính. Bí thư Thành ủy yêu cầu, UBND thành phố xây dựng chiến lược hành động, kế hoạch tổng thể về tuyên truyền nâng cao nhận thức về PCI cho đội ngũ cán bộ công chức quận, huyện, sở, ngành trên địa bàn thành phố, nâng cao về trình độ nghiệp vụ,

thái độ, ứng xử khi giao tiếp với các doanh nghiệp. Cụ thể như: công khai hóa các chi phí công, giảm chi phí gia nhập thị trường của doanh nghiệp, sơ đồ hóa quy trình liên thông, cải thiện các vấn đề liên quan để cấp, giao đất, giải phóng mặt bằng, tái định cư, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong lãnh đạo, điều hành, nâng cao chất lượng đội ngũ tham mưu và tính năng động, tiên phong của đội ngũ lãnh đạo thành phố... Hải Phòng mong muốn trong thời gian tới VCCI tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp của thành phố thông qua việc tăng cường phát triển mạnh vai trò của cộng đồng doanh nghiệp, nhằm tăng cường sự hợp tác giữa chính quyền địa phương với doanh nghiệp trên địa bàn, duy trì và nâng cao chất lượng PCI. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và nâng cao việc ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao chất lượng “Công giao dịch thương mại điện tử Hải Phòng”, các hoạt động xúc tiến đầu tư và hỗ trợ trong công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Kết hợp với việc tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về các quy hoạch, kế hoạch đầu tư, các dự án công trình trọng điểm, định hướng các ngành sản xuất kinh doanh dựa trên những thế mạnh của thành phố.

KẾT LUẬN

Qua những nghiên cứu trên, luận văn đi đến một số kết luận sau:

1- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là một chủ trương lâu dài và nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, nó đã và đang tác động tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta nói chung và thành phố Hải Phòng nói riêng. Bởi vì nguồn vốn này không chỉ chiếm tỷ trọng đáng kể trong vốn đầu tư xã hội, góp phần quan trọng gia tăng kim ngạch xuất khẩu, đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp và dịch vụ, đóng góp đáng kể vào GDP của thành phố, tạo ra tác động tổng hợp trong việc tăng năng lực sản xuất, nâng cao trình độ công nghệ, đào tạo và bồi dưỡng một đội ngũ chuyên gia, các nhà quản lý, công nhân lành nghề, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt của nông thôn và thành thị. Trong những năm gần đây, đặc biệt là từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2009, việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng gặp nhiều khó khăn. Khủng hoảng kinh tế làm giảm sút nguồn vốn đầu tư là nguyên nhân khách quan, tuy nhiên còn có nguyên nhân chủ quan là do chính sách thu hút đầu tư của thành phố chưa thực sự hấp dẫn trong bối cảnh cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gay gắt. Do đó, việc nghiên cứu môi trường đầu tư ở Hải Phòng là cần thiết nhằm tìm ra các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút FDI vào thành phố.

2- Môi trường đầu tư hiểu theo nghĩa chung nhất là tổng hòa các yếu tố bên ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư. Nó bao gồm môi trường cứng: liên quan đến các yếu tố thuộc kết cấu hạ tầng giao thông (đường xá, cầu cảng...), hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cung cấp năng lượng, hệ thống khu, cụm công nghiệp... và môi trường mềm: hệ thống dịch vụ hành chính, dịch vụ pháp lý liên quan đến hoạt động đầu tư (nhất là các vấn đề liên quan đến chế độ đối xử và giải quyết các tranh chấp, khiếu nại), hệ thống các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kế toán, bảo hiểm... Môi trường mềm còn bao gồm các yếu tố về ổn định chính trị, xã hội, phát triển kinh tế...

Môi trường đầu tư được cấu thành bởi các nhân tố:

- Môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư và thủ tục hành chính.
- Kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật.
- Môi trường chính trị xã hội và sự ổn định kinh tế vĩ mô.
- Các nguồn lực cho sự phát triển và thu hút FDI
- Quy mô và tốc độ phát triển của thị trường
- Công tác vận động, xúc tiến đầu tư
- Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (CPI)

Môi trường đầu tư được coi là hấp dẫn khi có hiệu quả đầu tư cao và mức độ rủi ro thấp. Một môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng sẽ là nhân tố thu hút các nhà đầu tư và ngược lại.

3 - Từ việc phân tích cơ sở lý luận và thực trạng môi trường đầu tư ở Hải Phòng, đề tài đã chỉ ra được:

Những thành tựu mà Hải Phòng đạt được trong hơn 20 năm qua, có đóng góp không nhỏ của nguồn vốn FDI. Trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, Đảng bộ, chính quyền cùng nhân dân Hải Phòng đã tạo lập được môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, thu hút được nhiều dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài. Giai đoạn 2010 – 2015 đã có những dấu hiệu đáng khích lệ, làn sóng đầu tư nước ngoài mới đang vào thành phố, làm tăng nhanh cả vốn đầu tư mới và vốn bổ sung các dự án đang hoạt động hiệu quả, đưa Hải Phòng trở thành địa phương thu hút FDI hàng đầu của cả nước.

Hải Phòng là một thành phố có nhiều lợi thế trong thu hút FDI, như vị trí địa lý thuận lợi, là thành phố có truyền thống giao thương quốc tế, với hơn 1,83 triệu người dân Hải Phòng năng động, sáng tạo và cần cù, cơ sở hạ tầng kỹ thuật được đầu tư tương đối tốt, cùng với những chính sách ưu đãi trong thu hút, năng động trong hoạt động xúc tiến đầu tư, cải cách hành chính nên Hải Phòng thực sự là một trong những địa phương hàng đầu của cả nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Những thành quả và kinh nghiệm đã thu được trong hoạt động FDI của thành phố là rất quan trọng, tạo tiền đề cho việc thu hút nhiều hơn các nguồn vốn quốc tế, trong đó có FDI góp phần thực hiện các mục tiêu của chiến

lược phát triển kinh tế xã hội và đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa thành phố.

Tuy nhiên, dù đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận nhưng so với tiềm năng và nhu cầu về nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển thì khối lượng cũng như chất lượng các dự án FDI chưa tương xứng, chưa đáp ứng kỳ vọng để phát triển nhanh và bền vững kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng. Nguyên nhân cơ bản của hạn chế là do thủ tục hành chính còn rườm rà, kết cấu hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư, chất lượng lao động còn thấp, ...

4 - Từ việc đánh giá tổng hợp các thuận lợi và hạn chế của môi trường đầu tư ở Hải Phòng, tác giả đã đưa ra một số giải pháp đồng bộ, toàn diện và có tính khả thi cao, nhằm cải thiện môi trường đầu tư để tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Xuân Anh (2011), *Môi trường đầu tư và tác động của nó đến đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Hải Dương*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế.
2. Lê Xuân Bá (2006), *Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
3. Nguyễn Bích Đạt (2006), *Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đan Đức Hiệp (2010), *Kinh tế Hải Phòng 25 năm đổi mới và phát triển (1986 – 2010)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr.232
5. Trần Thị Thu Hương (2005), Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam; *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế* (10), Tr. 3-12
6. Vũ Chí Lộc (1977), *Giáo trình đầu tư nước ngoài*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
7. Dương Thị Bình Minh, Nguyễn Thanh Thủy (7/2009), Cải thiện môi trường đầu tư thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở một số nước châu Á và các bài học kinh nghiệm cho, Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Phát triển kinh tế* (225), Tr.23 - 25.
8. Ngân hàng thế giới (2006), *Báo cáo phát triển thế giới 2005 – Môi trường đầu tư tốt hơn cho mọi người*, Nxb Văn hóa – thông tin, Hà Nội.
9. Trần Quang Nam (2006), Cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Bắc Ninh: Kết quả mang lại và một số giải pháp, *Tạp chí Kinh tế và dự báo* (3), Tr. 50-52.
10. Phùng Xuân Nhạ (2013), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam: lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Quốc hội (1987), *Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2007)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, Tr.8
12. Sở Kế hoạch – Đầu tư Hải Phòng , các báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp

- nước ngoài trên địa bàn thành phố Hải Phòng các năm từ 1991 đến 2012
13. Nguyễn Khắc Thân, Chu Văn Cấp (1996), “*Những giải pháp chính trị kinh tế nhằm thu hút có hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
 14. Phan Hữu Thắng : “*Nâng cao chất lượng FDI: Trách nhiệm của Bộ máy quản lý nhà nước*”, Báo Đầu tư, ngày 18-7-2012.
 15. Nguyễn Văn Tuấn (2005), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển kinh tế Việt Nam*”, Nxb Tư pháp, Hà Nội
 16. Trần Tuế (2005), Tạo môi trường đầu hấp dẫn một trong những giải pháp không thể thiếu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, (10), Tr.56 – 58.
 17. Trần Xuân Tùng (2005), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam thực trạng và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
 18. UBNDTP Hải Phòng, *báo cáo kinh tế - xã hội các năm 2008,2009,2010,2011,2012,2013,2014,2015*.
 19. Hà Thanh Việt (2008), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Duyên hải Miền Trung Việt Nam*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
 20. Nguyễn Trọng Xuân (2002), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 21. JICA (2003), The study on FDI promotion strategy in The Socialist Republic of Vietnam (final report), Hà Nội, tr.31
 22. Để môi trường đầu tư hấp dẫn hơn (Báo tin tức, ngày 4-1-2013)
 23. Hải Phòng vượt Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội về thu hút FDI, Thời báo kinh tế Sài Gòn (2/1/2013)
 24. Niên giám thống kê Hải Phòng năm 2005 – 2014.
 25. Website của Chính phủ, các Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ ngoại giao, Bộ tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục thống kê, UBNDTP Hải Phòng, Ban quản lý các khu kinh tế Hải Phòng.
 26. Website Sở Kế hoạch – Đầu tư Hải Phòng: <http://skhdt.hp.gov.vn>
 27. Website Tổng cục thống kê: <http://www.gso.gov.vn>

28. Website UBNDTP Hải Phòng: <http://www.haiphong.gov.vn>

¹ Trong đó: hệ cao đẳng nghề đạt 7.000 học viên/năm, hệ trung cấp nghề 9.000 học viên/năm, hệ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng đạt khoảng 35.000 học viên/năm.

¹ Các dịch vụ tiện ích ngân hàng được mở rộng và phát triển: lắp đặt và sử dụng 1.164 POS (tăng 651 POS so với năm 2011) tại 601 đơn vị chấp nhận thẻ, số thẻ phát hành là 1.125.360 thẻ, tăng 530.360 thẻ so với năm 2011.
